

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÀI SƠN**

- Căn cứ luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn;
- Hôm nay, ngày 28/4/2018, Công ty cổ phần Xi măng Sài Sơn tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 tại Hội trường công ty. Sau khi nghe các báo cáo tổng kết năm 2017, phương hướng, nhiệm vụ năm 2018 của Hội đồng quản trị; báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2017, các tờ trình của Hội đồng quản trị về phê chuẩn báo cáo tài chính đã được kiểm toán và lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018; về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch 2018, về phương án phân phối lợi nhuận, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, người công bố thông tin, thư ký công ty năm 2017 và kế hoạch năm 2018 và các tờ trình khác. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã thảo luận và đi đến thống nhất:

QUYẾT NGHỊ

I. Tư cách đại biểu.

Tổng số đại biểu về dự đại hội có 22 đại biểu với tổng số cổ phần sở hữu và đại diện là 14.816.756 cổ phần, chiếm 75,92 % vốn điều lệ. Các đại biểu đều có đủ tư cách tham dự đại hội theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty cổ phần Xi măng Sài Sơn.

II. Đại hội đã thông qua.

1. Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 của Hội đồng quản trị với tỷ lệ biểu quyết đồng ý đạt 100%, tương ứng 14.816.756 cổ phần với các nội dung chính như sau:

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017:

- | | | |
|-------------------------|---|-----------------------------|
| - Sản xuất Clinker | : | 93.027 tấn đạt 48,4% KH |
| - Doanh thu (chưa thuế) | : | 451.111 tỷ đồng đạt 350% KH |

- Thu nhập bình quân : 7 triệu đồng/người/tháng
- Lợi nhuận sau thuế : 9,154 tỷ đồng

2. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Hội đồng quản trị với tỷ lệ biểu quyết đồng ý đạt 100%, tương ứng 14.816.756 cổ phần với các nội dung chính như sau:

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

- Sản lượng sản xuất và tiêu thụ : 604.800 tấn Clinke
- Doanh thu trước thuế(tạm tính): 401.367 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế :14,065 tỷ đồng
- Thu nhập bình quân đầu người: 7,3 triệu đồng/tháng

3. Thông qua báo cáo tài chính năm 2017 của công ty đã được tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán với tỷ lệ biểu quyết đồng ý đạt 100%, tương ứng 14.816.756 cổ phần.

4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2018 với tỷ lệ biểu quyết đồng ý đạt 100%, tương ứng 14.816.756 cổ phần :

4.1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017:

- a. Lợi nhuận năm trước để lại : 4.724.021.075 đồng
- b. Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2017 : 9.154.223.152 đồng
- c. Phân phối lợi nhuận sau thuế:
 - Trích bù quỹ phúc lợi : 713.722.264 đồng
 - Lợi nhuận điều chỉnh theo BB thanh tra thuế 2017: 2.063.387.464 đồng
 - Lợi nhuận đã phân phối : 2.777.109.728 đồng
- d. Lợi nhuận còn lại chưa phân phối : 11.101.134.499 đồng

4.2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018 :

Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2018 dự kiến là **14,065 tỷ đồng** . Do công ty đang tiếp tục đầu tư nên sẽ không phân phối lợi nhuận sau thuế.

5. Thông qua mức trả thù lao HĐQT và Ban kiểm soát với hai nội dung như sau:

5.1. Thông qua tổng số tiền thù lao chi cho HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2017 là : 150.075.000 đồng với tỷ lệ biểu quyết đồng ý đạt 100%, tương ứng 14.816.756 cổ phần.



5.3. Thông qua mức chi thù lao cho HĐQT và Ban Kiểm soát, người công bố thông tin, thư ký công ty năm 2018 là :

+ Chủ tịch HĐQT	: 5.000.000 đồng/tháng.
+ Ủy viên HĐQT	: 1.000.000 đồng/tháng.
+ Trưởng Ban Kiểm soát	: 1.000.000 đồng/tháng.
+ Ủy viên Ban Kiểm soát	: 750.000 đồng/tháng.
+Người công bố thông tin	: 750.000 đồng/tháng
+Thư ký công ty	: 750.000 đồng/tháng

Với tỷ lệ biểu quyết đồng ý đạt 100 %, tương ứng với 14.816.756 cổ phần.

6. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2017, phương hướng nhiệm vụ năm 2018 với tỷ lệ biểu quyết đồng ý đạt 100 %, tương ứng 14.816.756 cổ phần.

7. Đại hội thông qua việc ủy quyền cho hội đồng quản trị công ty lựa chọn một trong các công ty kiểm toán độc lập được phép kiểm toán các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 với tỷ lệ biểu quyết đạt 100 %, tương ứng 14.816.756 cổ phần.

8. Thông qua dự án nhà máy điện tận dụng nhiệt khí thải năm 2018 với tỷ lệ biểu quyết đạt 100% tương ứng 14.816.756 cổ phần.

9. Thông qua điều lệ công ty năm 2018 với tỷ lệ biểu quyết đạt 100% tương ứng 14.816.756 cổ phần.

10. Thông qua qui chế quản trị công ty năm 2018 với tỷ lệ biểu quyết đạt 100% tương ứng 14.816.756 cổ phần.

11. Thông qua nội dung bổ sung thêm mặt hàng kinh doanh với tỷ lệ biểu quyết đạt 100% tương ứng 14.816.756 cổ phần.

12. Đại hội đồng cổ đông không thông qua việc thoái vốn tại Công ty CPXM&XD Sài Sơn II với tỷ lệ biểu quyết không đồng ý đạt 100% tương ứng 14.816.756 cổ phần.

13. Thông qua số lượng thành viên HĐQT là 3 người với tỷ lệ biểu quyết đạt 100% tương ứng 14.816.756 cổ phần.



14. Thông qua miễn nhiệm hai thành viên hội đồng quản trị Nguyễn Thu Hằng và Nguyễn Hồng Nhung với tỷ lệ biểu quyết đạt 100% tương ứng 14.816.756 cổ phần.

15. Thông qua danh sách trúng cử bầu bổ sung hội đồng quản trị, bầu bổ sung ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2021 với tỷ lệ biểu quyết theo kết quả bầu cử.


* Danh sách trúng cử Hội đồng quản trị :

1. Bà Phan Thị Hải

* Danh sách trúng cử Ban Kiểm soát :

1. Ông Nguyễn Duy Dực

Đại hội đồng cổ đông thống nhất giao nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị chỉ đạo Giám đốc công ty triển khai thực hiện nghiêm túc tinh thần của bản nghị quyết này trong thời gian sớm nhất. Nếu có những phát sinh, thay đổi lớn Hội đồng quản trị sẽ trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn đã được thông qua với tỷ lệ biểu quyết đạt 100% phiếu biểu quyết tán thành vào hồi 16 giờ 30 phút, ngày 28 tháng 04 năm 2018. 

TM.ĐOÀN THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Vương Thị Bích Ngọc



TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH

Nguyễn Sỹ Tiệp



Cộng hoà xã hội chủ nghĩa việt nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÀI SƠN**

Hôm nay, vào hồi 15 giờ 00 phút ngày 28/04/2018

Tại Hội trường công ty


Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn năm 2018 đã tiến hành họp.

I. Thành phần :


1. Đoàn Chủ tịch:


Nguyễn Sỹ Tiệp - Chủ tịch HĐQT Ký tên 

Vương Đức Nhật - UV HĐQT Ký tên 

Nguyễn Hồng Nhung - UV HĐQT Ký tên 

2. Đoàn Thư ký :

Vương Thị Bích Ngọc Ký tên 

Tạ Thị Phương Ký tên 

3. Các đại biểu là cổ đông, đại diện cổ đông dự họp.

Số trang của biên bản: 08 trang

II. Nội dung họp:

1. Chào cờ.

2. Tuyên bố lý do giới thiệu đại hội.

3. Công bố tư cách đại biểu.

+ Số đại biểu dự đại hội : 22 cổ đông.

+ Đại diện cho 14.816.756 cổ phần, chiếm 75,92 % VDL.

Các đại biểu đều đủ tư cách dự đại hội.

4. Thông qua chương trình làm việc và quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn .

Với tỷ lệ biểu quyết nhất trí 100% , tương ứng 14.816.756 cổ phần

5. Đại hội bầu đoàn Chủ tịch gồm 3 đồng chí :

1. Nguyễn Sỹ Tiệp
2. Vương Đức Nhật
3. Nguyễn Hồng Nhung

Đoàn Thư ký gồm 2 đồng chí :

1. Vương Thị Bích Ngọc
2. Nguyễn Thị Thúy

Với tỷ lệ biểu quyết nhất trí 100%, tương ứng 14.816.756 cổ phần.

6. Ông Vương Đức Nhật, Giám đốc công ty báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018

6.1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 .

- Sản xuất Clinker : 93.027 tấn đạt 48,4% KH
- Doanh thu (chưa thuế) : 451.111 tỷ đồng đạt 350% KH
- Thu nhập bình quân : 7 triệu đồng/người/tháng
- Lợi nhuận sau thuế : 9,154 tỷ đồng

6.2 Phương hướng nhiệm vụ năm 2018 :

- Sản lượng sản xuất và tiêu thụ : 604.800 tấn Clinker
- Doanh thu trước thuế(tạm tính): 401.367 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế :14,065 tỷ đồng
- Thu nhập bình quân đầu người: 7,3 triệu đồng/tháng

7. Bà Nguyễn Ngọc Na, Trưởng Ban Kiểm soát đọc báo cáo kết quả hoạt động và thẩm định của Ban Kiểm soát năm 2017, phương hướng nhiệm vụ năm 2018.

- Kết quả hoạt động và thẩm định của Ban Kiểm soát năm 2017, kết quả giám sát đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty và cán bộ quản lý, đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty.

- Báo cáo đưa ra các kết luận, kiến nghị đối với Đại hội đồng cổ đông.

8. Ông Phạm Tiến Hiếu đọc báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán

9. Bà Vương Thị Bích Ngọc đọc các nội dung kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, phương án

phân phối lợi nhuận, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2017 và kế hoạch năm 2018 .

10. Ông Vương Đức Nhật đọc báo cáo tóm tắt đầu tư dự án nhà máy điện tận dụng nhiệt khí thải.

11. Ông Phạm Tiến Hiếu đọc các tờ trình số 04, 05, 07, 08, 09.

12. Nội dung thảo luận của đại hội, ý kiến và trả lời ý kiến của cổ đông.

Không cổ đông nào có ý kiến.

13. Ông Nguyễn Sỹ Tiệp, Chủ tịch Hội đồng quản trị lấy ý kiến cổ đông và biểu quyết về các vấn đề :

- *Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 của Hội đồng quản trị với tỷ lệ biểu quyết như sau:*

Đồng ý : 100% tương ứng 14.816.756 cổ phần

Không đồng ý: 0%

Ý kiến khác : 0%

- *Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Hội đồng quản trị với tỷ lệ biểu quyết như sau:*

Đồng ý : 100% tương ứng 14.816.756 cổ phần

Không đồng ý: 0%

Ý kiến khác : 0%

- *Thông qua báo cáo tài chính năm 2017 của công ty đã được tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán với tỷ lệ biểu quyết như sau:*

Đồng ý : 100% tương ứng 14.816.756 cổ phần

Không đồng ý: 0%

Ý kiến khác : 0%

- *Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2018 với tỷ lệ biểu quyết như sau:*

1501
CỔ
CỔ
XI
SÀI
VN

Đồng ý : 100% tương ứng 14.816.756 cổ phần

Không đồng ý: 0%

Ý kiến khác : 0%

- Đại hội uỷ quyền cho Hội đồng quản trị công ty lựa chọn một trong các công ty kiểm toán độc lập được phép kiểm toán các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 với tỷ lệ biểu quyết quyết như sau:

Đồng ý : 100% tương ứng 14.816.756 cổ phần

Không đồng ý: 0%

Ý kiến khác : 0%

- Thông qua mức trả thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2017 với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Đồng ý : 100% tương ứng 14.816.756 cổ phần

Không đồng ý: 0%

Ý kiến khác : 0%

- Thông qua mức trả thù lao HĐQT và Ban kiểm soát, người công bố thông tin, thư ký công ty năm 2018 với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Đồng ý : 100% tương ứng 14.816.756 cổ phần

Không đồng ý: 0%

Ý kiến khác : 0%

- Thông qua báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2017, phương hướng nhiệm vụ năm 2018 với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Đồng ý : 100% tương ứng 14.816.756 cổ phần

Không đồng ý: 0%

Ý kiến khác : 0%

- Thông qua dự án nhà máy điện tận dụng nhiệt khí thải năm 2018 với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Đồng ý : 100% tương ứng 14.816.756 cổ phần

Không đồng ý: 0%

Ý kiến khác : 0%

- Thông qua điều lệ công ty năm 2018 với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Đồng ý : 100% tương ứng 14.816.756 cổ phần

Không đồng ý: 0%

Ý kiến khác : 0%

- Thông qua qui chế quản trị công ty năm 2018 với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Đồng ý : 100% tương ứng 14.816.756 cổ phần

Không đồng ý: 0%

Ý kiến khác : 0%

- Thông qua nội dung bổ sung thêm mặt hàng kinh doanh với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Đồng ý : 100% tương ứng 14.816.756 cổ phần

Không đồng ý: 0%

Ý kiến khác : 0%

- Thông qua việc thoái vốn tại Công ty CPXM&XD Sài Sơn II với tỷ lệ biểu quyết như sau:

Đồng ý : 0% tương ứng 0 cổ phần

Không đồng ý: 100% tương ứng 14.816.756 cổ phần

Ý kiến khác : 0%

- **Thông qua số lượng thành viên HĐQT là 3 người với tỷ lệ biểu quyết như sau:**

Đồng ý : 100% tương ứng 14.816.756 cổ phần

Không đồng ý: 0%

Ý kiến khác : 0%

- **Thông qua miễn nhiệm hai thành viên hội đồng quản trị Nguyễn Thu Hằng và Nguyễn Hồng Nhung với tỷ lệ biểu quyết như sau:**

Đồng ý : 100% tương ứng 14.816.756 cổ phần

Không đồng ý: 0%

Ý kiến khác : 0%

13. Hội nghị tiến hành bầu hội đồng quản trị và ban kiểm soát:

- Ông Phạm Tiến Hiếu nêu đề án nhân sự hội đồng quản trị và ban kiểm soát bầu bổ sung nhiệm kỳ năm 2016 - 2021.

- Biểu quyết thông qua số lượng nhân sự trong HĐQT và Ban Kiểm Soát .

+ Hội đồng quản trị : 3 người

Tỷ lệ biểu quyết như sau:

Đồng ý : 100% tương ứng 14.816.756 cổ phần

Không đồng ý: 0%

Ý kiến khác : 0%

+ Ban kiểm soát : 3 người.

Tỷ lệ như sau:

Đồng ý : 100% tương ứng 14.816.756 cổ phần

Không đồng ý: 0%

Ý kiến khác : 0%

- Giới thiệu danh sách nhân sự cho hội đồng quản trị mới, ban kiểm soát mới.

-Tự ứng cử: Không

- HĐQT đương nhiệm đề cử nhân sự để bầu bổ sung vào HĐQT gồm có:

1. Bà Phan Thị Hải

-Biểu quyết danh sách đề cử HĐQT mới gồm có:

1. Bà Phan Thị Hải

với kết quả như sau :

Đồng ý : 100% tương ứng 14.816.756 cổ phần

Không đồng ý: 0%

Ý kiến khác : 0%

- HĐQT đương nhiệm đề cử nhân sự để bầu vào BKS nhiệm kỳ mới gồm có:

1. Ông Nguyễn Duy Dực

- Biểu quyết danh sách đề cử vào Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới với kết quả như sau :

Đồng ý : 100% tương ứng 14.816.756 cổ phần

Không đồng ý: 0%

Ý kiến khác : 0%

- Đại hội nhất trí thông qua số lượng và danh sách tổ bầu cử gồm :

+ Bà Phùng Thị Duyên — Tổ trưởng

+ Bà Trần Thị Thùy Dương

+ Bà Nguyễn Thu Hà

Tỷ lệ biểu quyết như sau :

Đồng ý : 100% tương ứng 14.816.756 cổ phần

Không đồng ý: 0%

Ý kiến khác : 0%

- Bà Phùng Thị Duyên đọc và thông qua quy chế bầu cử với tỷ lệ biểu quyết như sau :

Đồng ý : 100% tương ứng 14.816.756 cổ phần

Không đồng ý: 0%

Ý kiến khác : 0%

Đại hội tiến hành bầu cử hội đồng quản trị và ban kiểm soát.

- Kết quả bầu cử hội đồng quản trị:

Phan Thị Hải: 14.816.756 cổ phần tương ứng với 100% đồng ý.

Căn cứ theo kết quả kiểm phiếu và thể lệ bầu cử Bà Phan Thị Hải đã trúng cử vào HĐQT bổ sung cho nhiệm kỳ 2016- 2021.

- Kết quả bầu cử ban kiểm soát:

1. Ông Nguyễn Duy Dục: 14.816.756 cổ phần tương ứng với 100 % đồng ý

Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu trên công bố ông Nguyễn Duy Dục đã trúng cử vào ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2021.

14. Đoàn thư ký thông qua nghị quyết đại hội.

Đại hội nhất trí nghị quyết đại hội với tỷ lệ biểu quyết nhất trí 100%, tương ứng 14.816.756 cổ phần.

15. Ông Nguyễn Sỹ Tiệp Chủ tịch HĐQT bế mạc đại hội.

Đại hội kết thúc hồi 16 giờ 30 phút ngày 28/04/2018.

QUY CHẾ QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÀI SƠN

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 150/NQ/ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2018
của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Xi măng Sài Sơn)*

Hà Nội, tháng 28 tháng 04 năm 2018

MỤC LỤC

MỤC LỤC	2
CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	7
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.....	7
Điều 2. Giải thích thuật ngữ.....	7
Điều 3. Quy chế nội bộ về quản trị công ty	8
CHƯƠNG II: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ	8
Điều 4. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty	8
CHƯƠNG III: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CỔ ĐÔNG.....	9
Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông	9
Điều 6. Trách nhiệm của cổ đông lớn.....	10
CHƯƠNG IV: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	10
Điều 7. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường	10
Điều 8. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	11
Điều 9. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	11
CHƯƠNG V: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	12
Điều 10. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.....	12
Điều 11. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị.....	12
Điều 12. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị.....	13
Điều 13. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	13
Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	13
Điều 15. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền.....	14
Điều 16. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.....	14
Điều 17. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	15
Điều 18. Thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	15
Điều 19. Thư ký công ty	16
Điều 20. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị của công ty niêm yết	16
Điều 21. Người phụ trách quản trị công ty	16
CHƯƠNG VI: BAN KIỂM SOÁT	16
Điều 22. Số lượng, tiêu chuẩn Kiểm soát viên	16
Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên.....	16
Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	17
Điều 25. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	17
Điều 26. Thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác của Kiểm soát viên.....	17
CHƯƠNG VII: BAN ĐIỀU HÀNH	18
Điều 27. Thành phần và tiêu chuẩn của người điều hành.....	18

\\H.M.C

Điều 28.	Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc (Giám đốc)	18
CHƯƠNG VIII: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH		19
Điều 29.	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp	19
Điều 30.	Giao dịch với người có liên quan	19
Điều 31.	Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này	20
Điều 32.	Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty.....	21
CHƯƠNG IX: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN		21
Điều 33.	Nghĩa vụ công bố thông tin.....	21
Điều 34.	Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý công ty	21
Điều 35.	Công bố thông tin về quản trị công ty.....	21
Điều 36.	Công bố thông tin về thu nhập của Tổng giám đốc	21
Điều 37.	Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc)	21
Điều 38.	Tổ chức công bố thông tin	22
CHƯƠNG X: GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM.....		22
Điều 39.	Giám sát về quản trị công ty	22
Điều 40.	Xử lý vi phạm.....	22
CHƯƠNG XI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....		22
Điều 41.	Sửa đổi bổ sung.....	22
Điều 42.	Ngày hiệu lực	23
PHỤ LỤC 1: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG		24
Điều 1.	Phạm vi điều chỉnh.....	24
Điều 2.	Đối tượng áp dụng.....	25
Điều 3.	Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 4.	Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 5.	Thẩm quyền Triệu tập Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 6.	Nhiệm vụ của Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 7.	Trình tự triệu tập Đại hội đồng cổ đông.....	27
Điều 8.	Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	28
Điều 9.	Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông.....	28
Điều 10.	Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	29

Điều 11.	Lập Biên bản Đại hội đồng cổ đông.....	29
Điều 12.	Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	30
Điều 13.	Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông	30
Điều 14.	Thê thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	30

PHỤ LỤC 2: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....33

Điều 1.	Phạm vi điều chỉnh.....	33
Điều 2.	Đối tượng áp dụng.....	33
Điều 3.	Tiêu chuẩn làm thành viên Hội đồng quản trị.....	33
Điều 4.	Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, cách thức Hội đồng quản trị giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị	34
Điều 5.	Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị.....	35
Điều 6.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	35
Điều 7.	Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	35

PHỤ LỤC 3: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....36

Điều 1.	Phạm vi điều chỉnh.....	36
Điều 2.	Đối tượng áp dụng.....	36
Điều 3.	Quy định về cuộc họp đầu tiên.....	36
Điều 4.	Cuộc họp định kỳ và bất thường	37
Điều 5.	Thông báo họp Hội đồng quản trị	37
Điều 6.	Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị	37
Điều 7.	Cách thức biểu quyết.....	38
Điều 8.	Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị	38
Điều 9.	Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị.....	39
Điều 10.	Thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị	39

PHỤ LỤC 4: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN.....41

Điều 1.	Phạm vi điều chỉnh.....	40
Điều 2.	Đối tượng áp dụng.....	40
Điều 3.	Tiêu chuẩn Kiểm soát viên.....	40
Điều 4.	Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....	41
Điều 5.	Cách thức bầu Kiểm soát viên	41
Điều 6.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	41
Điều 7.	Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	41

PHỤ LỤC 5: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....		42
Điều 1.	Phạm vi điều chỉnh.....	42
Điều 2.	Đối tượng áp dụng.....	42
Điều 3.	Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	42
Điều 4.	Tiểu ban Chính sách phát triển.....	43
Điều 5.	Tiểu ban nhân sự	43
Điều 6.	Tiểu ban lương thưởng.....	44
PHỤ LỤC 6: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP.....		45
Điều 1.	Phạm vi điều chỉnh.....	45
Điều 2.	Đối tượng áp dụng.....	45
Điều 3.	Các tiêu chuẩn để lựa chọn người điều hành doanh nghiệp.....	45
Điều 4.	Bổ nhiệm Người điều hành doanh nghiệp	45
Điều 5.	Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp.....	46
Điều 6.	Miễn nhiệm, Bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp	46
Điều 7.	Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp.....	46
PHỤ LỤC 7: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH.....		47
Điều 1.	Phạm vi điều chỉnh.....	47
Điều 2.	Đối tượng áp dụng.....	47
Điều 3.	Nguyên tắc phối hợp	47
Điều 4.	Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành.....	48
Điều 5.	Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát.....	48
Điều 6.	Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Ban điều hành	48
PHỤ LỤC 8: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....		50
Điều 1.	Phạm vi điều chỉnh.....	50
Điều 2.	Đối tượng áp dụng.....	50
Điều 3.	Phạm vi điều chỉnh.....	50
Điều 4.	Đối tượng áp dụng.....	51
Điều 5.	Đánh giá hoạt động	Error! Bookmark not defined.
Điều 6.	Khen thưởng.....	51
Điều 7.	Xử lý vi phạm và kỷ luật.....	51
PHỤ LỤC 9: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY.....		52
Điều 1.	Phạm vi điều chỉnh.....	52

Handwritten signature/initials

Handwritten signature/initials

Handwritten signature/initials

Điều 2.	Đối tượng áp dụng.....	52
Điều 3.	Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị công ty.....	52
Điều 4.	Bổ nhiệm và miễn nhiệm người phụ quản trị công ty.....	53
Điều 5.	Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty	53
Điều 6.	Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty.....	53

H&Z 6

b



CĂN CỨ

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
- Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Nghị định số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xi măng Sài Sơn.

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty Quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông đồng thời thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám Đốc (Giám đốc) và người điều hành khác, đảm bảo hoạt động của Công ty được ổn định và phát triển đúng định hướng của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quy chế này được áp dụng cho tất cả các Cổ đông và/hoặc các thành viên không phải là cổ đông nhưng có tham gia vào việc quản lý điều hành hoạt động của Công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. Quản trị công ty là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:
 - Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
 - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
 - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty.
 - b. “Công ty” là Công ty cổ phần Xi măng Sài Sơn.
 - c. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
 - d. “Cổ đông lớn” là cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% (năm phần trăm) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

7

6

5

e. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

f. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được theo quy định Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán và Khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp.

g. “Người phụ trách quản trị công ty” là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 3. Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Quy chế nội bộ về quản trị công ty không được trái với các nguyên tắc và quy định hiện hành về quản trị công ty. Quy chế nội bộ về quản trị được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty. Quy chế nội bộ về quản trị công ty gồm các nội dung chủ yếu sau:

Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông (*Phụ lục 1 đính kèm*);

Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị (*Phụ lục 2 đính kèm*);

Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị (*Phụ lục 3 đính kèm*);

Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên (*Phụ lục 4 đính kèm*);

Quy trình, thủ tục về việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT (*Phụ lục 5 đính kèm*);

Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp (*Phụ lục 6 đính kèm*);

Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc (Giám đốc) (*Phụ lục 7 đính kèm*);

Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) điều hành và người điều hành khác (*Phụ lục 8 đính kèm*);

Lựa chọn người phụ trách quản trị nội bộ Công ty (*Phụ lục 9 đính kèm*).

Ngoài ra, Quy chế nội bộ về quản trị công ty dẫn chiếu đến một số quy định trong Điều lệ Công ty; các quy chế, quy trình quản trị nội bộ của Công ty.

CHƯƠNG II: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 4. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty

Công ty hoạt động theo mô hình tổ chức quản lý sau:

 8





1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế này.

2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty trong việc quản lý và điều hành công ty.

4. Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty

Tổng giám đốc (Giám đốc) là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

CHƯƠNG III: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CỔ ĐÔNG

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều 11, Điều 12 Điều lệ công ty, đặc biệt là:
 - a. Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của công ty;
 - d. Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua các hình thức khác như:
 - Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.
 - e. Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông trong công ty.
 - f. Nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
 - g. Nghĩa vụ cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

 9





2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy nghị quyết đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các nghị quyết đó vi phạm pháp luật gây tổn hại tới công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) phải đền bù cho công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu công ty bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật.

3. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a. Vi phạm pháp luật;
- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 6. Trách nhiệm của cổ đông lớn

1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của công ty và của các cổ đông khác.
2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 7. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường

1. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông gồm các nội dung chính sau:

- a. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
- c. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
- d. Cách thức bỏ phiếu;
- e. Cách thức kiểm phiếu;
- f. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- g. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
- h. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- i. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản;
- j. Các vấn đề khác.

2. Công ty phải tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các quy định nội bộ của công ty. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ

đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Công ty không được hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông, phải tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông hoặc bỏ phiếu bằng thư bảo đảm khi cổ đông có yêu cầu. Công ty phải hướng dẫn thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông theo quy định.

3. Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm và thời gian họp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp.

4. Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Hàng năm công ty phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 8. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 158 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;
3. Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có);
4. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);
5. Kết quả giám sát đối với Giám đốc (Tổng giám đốc);
6. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;
7. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 9. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- b. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;
- c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;
- d. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và các người điều hành doanh nghiệp khác;

 11





e. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và các cổ đông.

CHƯƠNG V: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 10. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (11) người. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 24 Điều lệ công ty.

2. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính; lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty và có xét yếu tố về giới tính; đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành/độc lập.

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

3. Công ty cần hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Điều 11. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác;

c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác, nhưng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác;


2. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:

- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liên trước đó.

- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

 12





- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

Điều 12. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.
2. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
3. Hội đồng quản trị thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 50% (năm mươi phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ trường hợp ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật doanh nghiệp.
4. Hội đồng quản trị thông qua việc công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị dưới 20% tổng giá trị tài sản của công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

Điều 13. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 25 Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp;
2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của công ty.
3. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty.
4. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quy chế nội bộ về quản trị công ty không được trái với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
5. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người chịu trách nhiệm chung tổ chức thực hiện mọi công việc của Hội đồng quản trị; điều khiển Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty, tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực

hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về công việc của mình;

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị ký các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản hoặc thông qua các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; việc ủy quyền cho các thành viên Hội đồng quản trị khác ký thay phải được thực hiện bằng văn bản.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập, chủ trì các cuộc họp Hội đồng quản trị và phân công thành viên Hội đồng quản trị chuẩn bị nội dung các cuộc họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông; thông báo nội dung cuộc họp và yêu cầu Tổng giám đốc (Giám đốc), Ban kiểm soát hoặc người điều hành khác (nếu thấy cần thiết) chuẩn bị các tài liệu, báo cáo;

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị theo dõi và đôn đốc quá trình thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;

5. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền

1. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì việc ủy quyền bằng văn bản cho thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Là người thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị thực thi các quyền được ủy quyền khi Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt.

b. Ký các văn bản được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền.

c. Trực tiếp phụ trách một số công việc cụ thể do Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công và ủy quyền.

d. Có quyền từ chối nhận ủy quyền khi xét thấy có những điều trái với pháp luật và Điều lệ Công ty.


Điều 16. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và công ty.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

 14





5. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty.

6. Thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 17. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 lần theo trình tự được quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của công ty. Việc tổ chức họp Hội đồng quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp, Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 18. Thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 19. Thư ký công ty

1. Để hỗ trợ cho hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, Hội đồng quản trị có thể chỉ định ít nhất một (01) người làm Thư ký công ty.
2. Thư ký công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật. Thư ký công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.
3. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký công ty quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty.

Điều 20. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị của công ty niêm yết

1. Hội đồng quản trị công ty niêm yết có thể thành lập các tiểu ban hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị là tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban khác. Hội đồng quản trị cần bổ nhiệm 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị làm trưởng ban các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng. Việc thành lập các tiểu ban phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.
2. Trường hợp, không thành lập các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng, Hội đồng quản trị có thể phân công thành viên độc lập Hội đồng quản trị giúp Hội đồng quản trị trong các hoạt động nhân sự, lương thưởng.
3. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập được cử phụ trách về nhân sự, lương thưởng.

Điều 21. Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị của công ty niêm yết phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.

CHƯƠNG VI: BAN KIỂM SOÁT

Điều 22. Số lượng, tiêu chuẩn Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (05) người. Thành phần, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều 36 Điều lệ công ty.
2. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông của công ty và có điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 36 Điều lệ công ty.

Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên có các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và

người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm soát viên.

2. Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Công ty có thể hướng dẫn quy định về hoạt động và thực thi nhiệm vụ của Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông của công ty về các hoạt động giám sát của mình. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), người điều hành khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và cổ đông và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công ty và cổ đông.

2. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và các người điều hành khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

3. Ban kiểm soát có quyền đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

4. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 25. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

2. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

Điều 26. Thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt

 17





động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

CHƯƠNG VII: BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 27. Thành phần và tiêu chuẩn của người điều hành

1. Bộ máy điều hành của Công ty bao gồm Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) và Kế toán trưởng.

2. Tổng giám đốc (Giám đốc) và Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) phải có tiêu chuẩn sau:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

3. Kế toán trưởng của Công ty phải có điều kiện và tiêu chuẩn sau:

a. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;

b. Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán;

c. Thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là hai năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên và thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là ba năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán bậc trung cấp;

d. Phải có chứng chỉ qua lớp bồi dưỡng kế toán trưởng.

Điều 28. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc (Giám đốc)

1. Tổng Giám đốc (Giám đốc) là người điều hành cao nhất mọi hoạt động của Công ty; có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật về việc điều hành hoạt động của Công ty và việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng giám đốc (Giám đốc) có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 31 Điều lệ công ty.

2. Tổng Giám đốc (Giám đốc) có quyền quyết định thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 50% (Năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ trường hợp ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật doanh nghiệp.

3. Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) là người giúp việc của Tổng Giám đốc (Giám đốc) trong việc quản lý điều hành một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công, ủy quyền của Tổng Giám đốc (Giám đốc), báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc

(Giám đốc) và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng Giám đốc (Giám đốc) phân công, ủy quyền.

4. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc (Giám đốc) chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, tài chính của Công ty, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 29. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (giám đốc), người quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 30. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.
2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty và gây tổn hại cho lợi ích của công ty thông qua việc kiểm soát các giao dịch, mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của công ty.



3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty.

Điều 31. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này

1. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ trường hợp công ty là tổ chức tín dụng.

2. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ trường hợp cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là các công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của công ty trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 theo quy định tại Khoản 6 Điều 16 Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp.

3. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây:

a) Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều lệ công ty;

b) Trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Trừ trường hợp các giao dịch được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, công ty không được thực hiện giao dịch sau:

a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), các người quản lý khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này, trừ trường hợp công ty và tổ chức có liên quan đến cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

b) Giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), các người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật doanh nghiệp.

 20





Điều 32. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty

1. Công ty phải thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến công ty theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty.
2. Công ty phải tuân thủ các quy định pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.

CHƯƠNG IX: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 33. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng. Công ty đại chúng phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và các nhà đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

Điều 34. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý công ty

1. Công ty đại chúng phải báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp.
- Trong trường hợp công ty thay đổi mô hình hoạt động, công ty đại chúng phải báo cáo ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin trong vòng 24 h kể từ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định thay đổi mô hình.

Điều 35. Công bố thông tin về quản trị công ty

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ 06 (sáu) tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Điều 36. Công bố thông tin về thu nhập của Giám đốc (Tổng giám đốc)

Tiền lương của Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 37. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc)

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 29 Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

2. Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) hoặc cổ đông lớn.

Điều 38. Tổ chức công bố thông tin

1. Công ty phải xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của công ty theo quy định tại Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

2. Công ty phải có ít nhất một nhân viên công bố thông tin. Nhân viên công bố thông tin của công ty có trách nhiệm sau:

a) Công bố các thông tin của công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông liên hệ.

CHƯƠNG X: GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 39. Giám sát về quản trị công ty

1. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thực hiện giám sát nội dung liên quan đến quản trị công ty của các công ty theo quy định của pháp luật.

2. Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện quy định quản trị công ty quy định tại Quy chế này.

3. Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hoạt động quản trị công ty của công ty và giải trình các sự việc liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

4. Trường hợp công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan không tuân thủ quy định tại khoản 3 Điều này bị xử lý theo quy định pháp luật.

Điều 40. Xử lý vi phạm

Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm quy định về quản trị công ty bị xử phạt theo quy định tại Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với các hành vi vi phạm quy định về quản trị công ty đại chúng, Nghị định số 145/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 41. Sửa đổi bổ sung

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị soạn thảo, xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới

của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

Điều 42. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm XI chương, 42 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn thống nhất thông qua ngày 28 tháng 04 năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty hoặc người được uỷ quyền.
3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc (Ban Tổng giám đốc) và cá nhân, tổ chức khác có liên quan của Công ty cổ phần Xi măng Sài Sơn chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 




CHỦ TỊCH HĐQT
NGUYỄN SỸ TIỆP





PHỤ LỤC 1: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày 28 tháng 4 năm 2018 của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn)

Căn cứ:

Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010 ;

Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Quy chế thực hiện quyền của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam;

Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, bao gồm nội dung chính sau:

a. Đại hội đồng cổ đông và thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

b. Trình tự triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

+Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

+ Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

+Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

+Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

+Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

+Xác định thời gian và địa điểm họp;

+Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp;

+Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

c. Thẻ thức tiến hành và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

+ Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

+ Cách thức bỏ phiếu;

+ Cách thức kiểm phiếu;

+ Thông báo kết quả kiểm phiếu;

+ Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

+ Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

+ Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

+ Yêu cầu huỷ bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

d. Thẻ thức tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản

+ Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;

+ Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Công ty ban hành quy định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác thực hiện, tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Công ty phải báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho Trung tâm lưu ký chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch), báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Điều 4. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính

Việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

b) Báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với đầu kỳ;

c) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này- trường hợp này Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

d) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 24 của Điều lệ công ty.

e) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ Công ty; Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan.

f) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

Điều 5. Thẩm quyền Triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 4 phụ lục này.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 3 phụ lục này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 3 phụ lục này;

3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 phụ lục này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 phụ lục này thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ Công ty có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

5. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 6. Nhiệm vụ của Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

1. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

 26





2. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
3. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
4. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
5. Xác định thời gian và địa điểm họp;
6. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật này;
7. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 7. Trình tự triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Quy định về việc triệu tập ĐHĐCĐ, chương trình họp và thông báo mời họp ĐHĐCĐ được quy định tại Điều 17 của Điều lệ Công ty, cụ thể trình tự các bước chuẩn bị họp ĐHĐCĐ thường niên như sau:

1. Công tác chuẩn bị họp ĐHĐCĐ

a) Người triệu tập ĐHĐCĐ phải lên chương trình họp, ngày tổ chức ĐHĐCĐ, địa điểm tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ, các tài liệu theo quy định và các vấn đề khác phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty. Các vấn đề đưa vào chương trình ĐHĐCĐ phải phù hợp với thẩm quyền ĐHĐCĐ được quy định tại Điều 14 Điều lệ Công ty.

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

c) Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến điểm (b) Khoản 1 Điều 6 Phụ lục này trong các trường hợp sau:

- + Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- + Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ Công ty;
- + Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của ĐHĐCĐ bàn bạc và thông qua;
- + Các trường hợp khác theo qui định của Điều lệ công ty.

2. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

3. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên Danh sách người sở hữu chứng khoán lưu ký được phân bổ quyền bỏ phiếu. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

a) Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp, cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ.

b) Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

c) Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, công ty đại chúng có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Để đảm bảo cho công tác tổ chức Đại hội được thuận lợi, cổ đông thực hiện đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo những cách thức được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:
 - a. Gửi giấy đăng ký dự họp hoặc giấy uỷ quyền về địa chỉ ghi trong thông báo.
 - b. Liên lạc trực tiếp qua số điện thoại liên hệ ghi trong thông báo.
 - c. Các hình thức đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông

1. Khi đến tham dự cuộc họp, cổ đông phải mang theo Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác và Thông báo mời họp.
2. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Việc đăng ký được thực hiện tại địa điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết thẻ/phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Thẻ biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại Đại hội.

Điều 10. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai. Đại hội tiến hành biểu quyết bằng cách giơ thẻ/giơ tay hoặc bỏ phiếu. Cụ thể về các cách thức bỏ phiếu sẽ được quy định chi tiết trong quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.

2. Cách thức kiểm phiếu:

- Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ thu, ghi nhận kết quả;
- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận, thống kê.
- Công bố kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu được Ban kiểm phiếu đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Lập Biên bản Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Điều 12. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Công ty phải công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch) trong thời hạn 24 giờ kể từ được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 13. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty, trừ trường hợp các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; Trường hợp này Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được coi là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

2. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

3. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 14. Thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Ngoại trừ các nội dung, vấn đề phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 20 Điều lệ này, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

Hà 30



2. Trình tự thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

a) Chuẩn bị tài liệu:

Hội đồng quản trị phải chuẩn bị: Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- + Mục đích lấy ý kiến;
- + Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- + Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- + Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- + Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- + Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

b) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng Văn bản

Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền biểu quyết để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức xin ý kiến cổ đông bằng văn bản, tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

c) Gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến cho cổ đông

Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông.

Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

d) Nhận phiếu lấy ý kiến gửi về của cổ đông

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- + Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- + Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

e) Kiểm phiếu và Lập biên bản kiểm phiếu

❖ Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp.

❖ Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

+ Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

+ Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

+ Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

+ Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

+ Các vấn đề đã được thông qua;

+ Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

❖ Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

f) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận, trừ các quy định tại Khoản 3 Điều 20 Điều lệ công ty và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

g) Thông báo kết quả kiểm phiếu

Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;

h) Lưu tài liệu

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.


32

PHỤ LỤC 2: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày ... tháng ... năm 2018

của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm nội dung chính sau:

- Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị;
- Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị của theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Cách thức Hội đồng quản trị giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị.
- Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

2. Công ty ban hành quy định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Phụ lục này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đề cử, ứng cử bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 3. Tiêu chuẩn làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có tiêu chuẩn và điều kiện theo Điều 151 Luật doanh nghiệp.

2. Số lượng và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều 24 Điều lệ công ty.

Điều 4. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, cách thức Hội đồng quản trị giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới công ty (nếu có);
- h. Họ tên của cổ đông, nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

Công ty phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

3. Các cổ đông nắm giữ dưới 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một (01) thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai (02) thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba (03) thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn (04) thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết (số lượng ứng viên phải bằng hoặc lớn số lượng thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông đã thông qua để bầu cử tại cuộc họp), trong thời hạn 03 ngày trước thời điểm tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị

đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên, ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua. Danh sách ứng viên Hội đồng quản trị sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

Điều 5. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều 10 Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

Điều 6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
- c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;
- e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- f. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

PHỤ LỤC 3: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày ... tháng ... năm 2018

của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị, bao gồm nội dung chính sau:

- a) Cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường;
- b) Thông báo họp Hội đồng quản trị;
- c) Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị;
- d) Cách thức biểu quyết;
- đ) Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- e) Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị;
- f) Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị.

2. Công ty ban hành quy định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Phụ lục này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức họp Hội đồng quản trị.

Điều 3. Quy định về cuộc họp đầu tiên

Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều

hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 4. Cuộc họp định kỳ và bất thường

1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác.

2. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc (Giám đốc) hoặc ít nhất 05 người điều hành khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;
- d) Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình công ty.

Điều 5. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 ngày trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 6. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) trở lên tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận dự họp.

 37



2. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Khoản 1 Điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì cuộc họp được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc người đại diện nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận dự họp.

Điều 7. Cách thức biểu quyết

1. Các thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong các trường hợp sau:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp khi được đa số các thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải được đựng trong phong bì dán kín được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị ít nhất 01 giờ trước giờ khai mạc, và phong bì đựng phiếu biểu quyết của thành viên đó được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

2. Một thành viên Hội đồng quản trị có thể ủy quyền biểu quyết của mình tại cuộc họp Hội đồng quản trị cho một người khác nếu sự ủy quyền đó nhận được sự đồng ý của đa số các thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

4. Theo quy định tại Khoản 6 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

5. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b khoản 4 Điều 34 Điều lệ công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

Điều 8. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 9. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - c. Thời gian, địa điểm họp;
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua;
 - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.
2. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung trong biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 10. Thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị

Nghị quyết Hội đồng quản trị sẽ được thông báo và công bố theo quy định tại Điều lệ công ty và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

**PHỤ LỤC 4: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN
NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN**

*(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày ... tháng ... năm 2018
của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn)*

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi Kiểm soát viên, bao gồm nội dung chính sau:

- a) Tiêu chuẩn thành viên Kiểm soát viên;
- b) Cách thức đề cử người và ứng cử vào vị trí Kiểm soát viên của cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- c) Cách thức bầu Kiểm soát viên;
- d) Các trường hợp miễn nhiệm hay bãi nhiệm Kiểm soát viên;
- e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.


2. Công ty ban hành qui định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Phụ lục này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đề cử, ứng cử bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên.

Điều 3. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

Kiểm soát viên có tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 36 Điều lệ công ty.

 40

Điều 4. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại các Điều 4 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy chế này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định, ứng viên do Ban kiểm soát giới thiệu phải được đa số Kiểm soát viên biểu quyết thông qua. Danh sách ứng viên Kiểm soát viên sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

Điều 5. Cách thức bầu Kiểm soát viên

Việc bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu tương tự việc bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 5 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy chế này.

Điều 6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
 - b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó vắng mặt không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên sẽ được công bố theo quy định tại Điều lệ công ty và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

 41



PHỤ LỤC 5: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày ... tháng ... năm 2018
của Công ty Cổ phần Xăng mǎng Sài Sơn)

Căn cứ:

Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Xăng mǎng Sài Sơn.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phụ lục này quy định về quy trình, thủ tục về việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, bao gồm nội dung chính sau:

- a. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị;
- b. Cơ cấu của các tiểu ban;
- c. Tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban, trưởng tiểu ban;
- d. Việc thành lập tiểu ban;
- e. Trách nhiệm của các tiểu ban và từng thành viên.

2. Công ty ban hành quy định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ về quy trình, thủ tục về việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

Điều 3. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc theo quy định khoản 15 Điều 27 Điều lệ Công ty

2. Hội đồng quản trị sẽ quy định cách thức thành lập, quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của từng Tiểu ban, từng thành viên trong Tiểu ban thông qua quy chế nội bộ của Tiểu ban hoặc các quyết định thành lập tại từng thời điểm.

3. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị bao gồm: Tiểu ban Chính sách phát triển, Tiểu ban nhân sự, Tiểu ban lương thưởng, ...
4. Các nhiệm vụ, quyền hạn của một Tiểu ban bất kỳ, nếu chưa được thành lập, sẽ là nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị.
5. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Tiểu ban Chính sách phát triển

1. Tiểu ban Chính sách phát triển Công ty gồm tối thiểu 03 thành viên, Trưởng tiểu ban do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tiểu ban Chính sách phát triển có các thành viên là thành viên Hội đồng quản trị và một số thành viên khác (không phải là thành viên Hội đồng quản trị) do Hội đồng quản trị quyết định.

2. Tiểu ban Chính sách phát triển có các chức năng sau:

- a. Tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của mình liên quan đến việc lập kế hoạch, chiến lược phát triển trong hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- b. Phân tích, xem xét, nghiên cứu, đánh giá các yếu tố trong quá khứ, hiện tại và xu hướng trong tương lai ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty;
- c. Tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc xác định mục tiêu, định hướng, chiến lược kinh doanh trong ngắn hạn cũng như dài hạn;
- d. Tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc đề ra các giải pháp nhằm thực hiện thành công các mục tiêu, định hướng, chiến lược kinh doanh đã đề ra;

Các chức năng, nhiệm vụ khác, quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của Tiểu ban kế hoạch và chiến lược phát triển do Hội đồng quản trị phê chuẩn.

Điều 5. Tiểu ban nhân sự

1. Tiểu ban nhân sự Công ty gồm tối thiểu 03 thành viên, do một thành viên độc lập Hội đồng quản trị là Trưởng Ban. Tiểu ban nhân sự có các thành viên là thành viên Hội đồng quản trị và một số thành viên khác (không phải là thành viên Hội đồng quản trị) do Hội đồng quản trị quyết định.

2. Tiểu ban nhân sự có các chức năng sau:

- a. Tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị về các vấn đề liên quan đến tổ chức bộ máy, nhân sự trong quá trình quản trị Công ty.
- b. Tham mưu cho Hội đồng quản trị về quy mô, cơ cấu Hội đồng quản trị, các người điều hành doanh nghiệp nhằm phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của Công ty.
- c. Tham mưu cho Hội đồng quản trị xử lý các vấn đề nhân sự phát sinh trong quá trình

tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên và người điều hành doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

d. Tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc ban hành các quy trình, quy định nội bộ của Công ty thuộc thẩm quyền của mình về quy chế tuyển chọn nhân sự, đào tạo, chính sách đãi ngộ khác đối với người điều hành doanh nghiệp, nhân viên của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

Các chức năng, nhiệm vụ khác, quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của Tiểu ban nhân sự do Hội đồng quản trị phê chuẩn.

Điều 6. Tiểu ban lương thưởng

1. Tiểu ban lương thưởng Công ty gồm tối thiểu 03 thành viên, do một thành viên Hội đồng quản trị độc lập là Trưởng Ban. Tiểu ban lương thưởng có các thành viên là thành viên Hội đồng quản trị và một số thành viên khác (không phải là thành viên Hội đồng quản trị), do Hội đồng quản trị quyết định.

2. Tiểu ban lương thưởng có các chức năng sau:

a. Tham mưu cho Hội đồng quản trị ban hành các quy chế, chính sách về lương thưởng và giám sát việc thực hiện các chính sách này;

b. Xây dựng, đề xuất về định mức lương, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, các người điều hành doanh nghiệp cũng như các tiêu chí đánh giá liên quan đến việc lương thưởng của các thành viên này;

c. Tham mưu cho Hội đồng quản trị các chương trình khen thưởng cho cán bộ, nhân viên có thành tích xuất sắc một cách công khai, công bằng, phù hợp và kịp thời;

d. Các chức năng, nhiệm vụ khác, quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của Tiểu ban lương thưởng do Hội đồng quản trị phê chuẩn.

**PHỤ LỤC 6: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM
NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP**

*(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày ... tháng ... năm 2018
của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn)*

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp, bao gồm nội dung chính sau:

- a. Tiêu chuẩn của Người điều hành doanh nghiệp;
- b. Việc bổ nhiệm Người điều hành doanh nghiệp;
- c. Ký hợp đồng lao động với Người điều hành doanh nghiệp;
- d. Các trường hợp miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp;
- e. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.

2. Công ty ban hành qui định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp.

Điều 3. Các tiêu chuẩn để lựa chọn người điều hành doanh nghiệp

1. Tiêu chuẩn làm Giám đốc (Tổng giám đốc) và Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc) thực hiện theo Điều 27 Quy chế này.
2. Tiêu chuẩn làm Kế toán trưởng thực hiện theo Điều 27 Quy chế này.

Điều 4. Bổ nhiệm Người điều hành doanh nghiệp

1. Bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc)

 45



Hội đồng quản trị lựa chọn và ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc (Tổng Giám đốc) Công ty.

2. Bổ nhiệm Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và người điều hành khác

a. Giám đốc/ Tổng Giám đốc căn cứ vào tiêu chuẩn và nhu cầu công việc đề cử Phó Giám đốc/ Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác.

b. Hội đồng quản trị căn cứ vào đề xuất của Giám đốc/ Tổng giám đốc, xem xét và ra quyết định bổ nhiệm Phó Giám đốc/ Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác.

Điều 5. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp

1. Thẩm quyền ký kết hợp đồng lao động:

Việc ký hợp đồng lao động với Giám đốc/ Tổng giám đốc, Phó Giám đốc/ Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Các điều khoản trong hợp đồng lao động với Giám đốc/ Tổng giám đốc, Phó Giám đốc/ Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác không được trái với quy định của pháp luật lao động.

Điều 6. Miễn nhiệm, Bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Giám đốc/ Tổng giám đốc, Phó Giám đốc/ Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác sẽ bị miễn nhiệm:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 27 Quy chế này;

b. Có đơn từ chức;

c. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc/ Tổng giám đốc, Phó Giám đốc/ Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác khi có lý do vì lợi ích của công ty tuy nhiên không được trái với các quy định trong hợp đồng lao động đã ký kết.

Điều 7. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp sẽ được thông báo và công bố theo quy định tại Điều lệ công ty và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

PHỤ LỤC 7: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày ... tháng ... năm 2018
của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, bao gồm nội dung chính sau:

- a) Nguyên tắc làm việc;
- b) Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS;
- c) Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành;
- d) Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành và BKS.

2. Công ty ban hành quy định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành phối hợp trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:

1. Luôn vì lợi ích chung của Công ty.
2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các quy định của Công ty.
3. Thực hiện nguyên tắc tập trung, dân chủ, công khai, minh bạch

4. Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn.

Điều 4. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành

1. Hội đồng quản trị lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Giám đốc (Tổng Giám đốc) trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Giám đốc (Tổng Giám đốc) hoàn thành nhiệm vụ được giao.
2. Định kỳ hàng quý và năm, Giám đốc (Tổng Giám đốc) phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh và phương hướng hoạt động trong thời kỳ tới của Công ty cho Hội đồng quản trị.
3. Giám đốc (Tổng Giám đốc) đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị mọi vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành của Công ty. Tổng giám đốc không đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị được mời tham dự (không biểu quyết) các cuộc họp Hội đồng quản trị.
4. Các chương trình nghiên cứu, khảo sát, các cuộc đàm phán, ký kết hợp đồng của Công ty có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị để cử thành viên Hội đồng quản trị tham dự.

Điều 5. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với Ban kiểm soát, tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban kiểm soát, tôn trọng tư cách khách quan độc lập của Ban kiểm soát.
2. Hội đồng quản trị tạo điều kiện tốt nhất cho các Kiểm soát viên trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát và phải có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo đề xuất của Ban kiểm soát.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị mời Kiểm soát viên tham dự cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị.
4. Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện các trường hợp vi phạm của người điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.
5. Hội đồng quản trị có quyền đề nghị Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra, kiểm toán theo yêu cầu.
6. Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty.
7. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, các Kiểm soát viên có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Hội đồng quản trị đảm bảo tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho Kiểm soát viên cùng với việc cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 6. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Ban điều hành

1. Trường hợp xét thấy cần thiết, Ban điều hành có thể mời Trưởng ban kiểm soát hoặc các Kiểm soát viên tham dự họp Ban điều hành hoặc các cuộc họp khác và đóng góp ý kiến.

2. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của Trưởng ban kiểm soát, Ban điều hành thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo về tình hình hoạt động của Công ty.
3. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín và hoạt động của Công ty, Ban điều hành cần báo cáo ngay cho Trưởng ban kiểm soát và Kiểm soát viên.
4. Ban điều hành chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Trưởng Ban kiểm soát và các Kiểm soát viên được tiếp cận các thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.
5. Các văn bản báo cáo của Ban điều hành trình Hội đồng quản trị phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.



PHỤ LỤC 8: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày ... tháng ... năm 2018

của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phụ lục này quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành và người điều hành khác, bao gồm nội dung chính sau:

- a) Đánh giá hoạt động;
- e) Khen thưởng;
- f) Kỷ luật;

2. Công ty ban hành quy định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành và người điều hành khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành và người điều hành khác.

Điều 3. Phạm vi điều chỉnh

1. Phụ lục này quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành và người điều hành khác, bao gồm nội dung chính sau:

- a) Khen thưởng;
- b) Kỷ luật;

Hà 50

b

CS

2. Công ty ban hành qui định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ về khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành và người điều hành khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.

Điều 4. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành và người điều hành khác.

Điều 5. Khen thưởng

1. Hằng năm, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị đề xuất mức khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

2. Chế độ khen thưởng:

a. Bằng tiền;

b. Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên (nếu có).

3. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng Công ty và các nguồn hợp pháp khác.

4. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.

Điều 6. Xử lý vi phạm và kỷ luật

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và các người điều hành khác không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Công ty hoặc vi phạm quy định của pháp luật tùy theo tính chất sẽ bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Công ty và Pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại cho Công ty phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

PHỤ LỤC 9: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty ngày ... tháng ... năm 2018
của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11;
- Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015;
- Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016;
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty, bao gồm nội dung chính sau:

- a. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty;
- b. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
- c. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
- d. Quyền và nghĩa vụ của người quản trị công ty;
- e. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.

2. Công ty ban hành quy định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty

Điều 3. Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty phải có các tiêu chuẩn sau:

1. Có hiểu biết về pháp luật;

 52





ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÀI SƠN

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2018

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	4
Điều 1. Định nghĩa	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	6
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	6
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	6
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	6
Điều 6. Cổ phiếu.....	7
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	8
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần.....	8
Điều 9. Thu hồi cổ phần.....	8
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	9
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	9
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	9
Điều 11. Quyền của cổ đông.....	9
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông.....	10
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 15. Các đại diện được ủy quyền.....	14
Điều 16. Thay đổi các quyền.....	15
Điều 17. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 18. Các điều kiện tiên hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 19. Thể thức tiên hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	23
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	23
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	23
Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	25
Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	27
Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	28
Điều 28. Người phụ trách quản trị công ty.....	32
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY.....	33
Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý.....	33
Điều 30. Người điều hành.....	33
Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành.....	33
Điều 32. Thư ký Công ty.....	35

IX. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC) ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	35
Điều 33. Trách nhiệm cẩn trọng.....	35
Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	35
Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	37
X. BAN KIỂM SOÁT.....	38
Điều 36. Kiểm soát viên.....	38
Điều 37. Ban kiểm soát.....	39
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	40
Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	40
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	41
Điều 39. Công nhân viên và công đoàn.....	41
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	41
Điều 40. Phân phối lợi nhuận.....	41
Điều 41. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận.....	42
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	42
Điều 42. Tài khoản ngân hàng.....	42
Điều 43. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.....	42
Điều 44. Năm tài chính.....	42
Điều 45. Chế độ kế toán.....	43
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	43
Điều 46. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý.....	43
Điều 47. Báo cáo thường niên.....	44
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	44
Điều 48. Kiểm toán.....	44
XVII. CON DẤU.....	44
Điều 49. Con dấu.....	44
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	45
Điều 50. Chấm dứt hoạt động.....	45
Điều 51. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông.....	45
Điều 52. Gia hạn hoạt động.....	45
Điều 53. Thanh lý.....	46
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	46
Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	46
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	47
Điều 55. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	47
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	47
Điều 56. Ngày hiệu lực.....	47
Điều 57. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty./.....	48

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được Cổ đông Công ty cổ phần Xi măng Sài Sơn thông qua theo nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức ngày ... tháng ... năm 2018.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại hoặc đã được đăng ký mua tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.
 - b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
 - c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.
 - d. "Người điều hành" là Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành, Phó giám đốc hoặc Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
 - e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp.
 - f. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.
 - g. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Handwritten mark

Handwritten signature

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: Công ty cổ phần Xi măng Sài Sơn
- Tên tiếng Anh: Sai Son Cement Joint Stock Company
- Tên viết tắt: SASOCO
- Biểu tượng công ty:



2. Công ty là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo quyết định cổ phần hóa số: 2369/QĐ-UB ngày 13/11/2003 và chính thức đi vào hoạt động dưới dạng công ty cổ phần từ ngày 25/12/2003, có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

Địa chỉ trụ sở chính: Xã Nam Phương Tiến, Huyện Chương Mỹ, TP Hà nội

Điện thoại: (84-2433) 132183

Fax: (84-2433) 132597

Website: <http://www.ximangsaigon.com>

4. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch HĐQT là đại diện theo pháp luật của Công ty. Quyền và nghĩa vụ của những người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều lệ này và trong Quy chế Quản trị của Công ty.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 50.2 và Điều 51 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 52 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Handwritten signature

Handwritten signature

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh xi măng, clinker, vật liệu xây dựng; Xây lắp các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; San lấp mặt bằng, kinh doanh bất động sản, dịch vụ du lịch

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh về xi măng, clinker, vật liệu xây dựng và các lĩnh vực khác nhằm tạo việc làm ổn định và thu nhập cho người lao động, tăng cổ tức cho cổ đông, đóng góp vào Ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển công ty.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 195.160.000.000 VND (bằng chữ: Một trăm chín mươi lăm tỷ một trăm sáu mươi triệu đồng chẵn./)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 19.516.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo được quy định tại Điều 11 và Điều 12 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không

đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6. Cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

3. Trường hợp, cổ phiếu được cấp dưới dạng chứng chỉ phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.





Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

3. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, kế toán trưởng, giám đốc, phó giám đốc muốn chuyển nhượng cổ phần phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Trường hợp không bán hết số cổ phần bị thu hồi, Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ theo quy định tại Điều 112 Luật Doanh nghiệp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên

quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ không quá 10% một năm vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm soát;
- d. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a. Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc các hình thức khác do pháp luật quy định, Điều lệ công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông ;
- c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành trừ trường hợp quy định tại Điều 119.3 và Điều 126.1 của Luật doanh nghiệp;
- d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
- e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;

i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 24.2 và Điều 36.4;

b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;

d. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

e. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

f. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

2. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua;

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công

ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;

3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không thể tổ chức trong thời hạn trên, Hội đồng quản trị có trách nhiệm xin Cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa (1/2) so với đầu kỳ;
- c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này - trường hợp này Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các





cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điều 13.3d và Điều 13.3e. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 13.4a thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Điều 136.5 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 13.4b thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điều 13.3d có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Điều 136.6 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;

b. Báo cáo của Ban kiểm soát;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;

- d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:
- a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán;
 - e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - l. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch đầu tư có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
 - n. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - o. Thông qua định hướng phát triển của công ty;
 - p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Các hợp đồng quy định tại Điều 14.2 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG SÀI SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 123./BC-CT

Sài Sơn, ngày 12 tháng 4 năm 2018

**BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017,
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018
CỦA HĐQT**

Kính thưa các vị đại biểu!

Thực hiện Quyết định của Chủ tịch HĐQT số 134/QĐ-HĐQT ngày 12/04/2018 về việc triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Theo sự phân công của Đoàn Chủ tịch, Tôi xin trình bày báo cáo của HĐQT, Giám đốc công ty về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018. Trước hết tôi xin gửi tới HĐQT công ty, các vị đại biểu về dự đại hội lời chúc sức khỏe và lời chào trân trọng, chúc đại hội thành công tốt đẹp.

PHẦN I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

1. Công tác sản xuất kinh doanh.

Năm 2017 là một năm đầy thách thức với ban lãnh đạo Công ty cổ phần xi măng Sài Sơn do ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh chính từ tháng 7/2017 để dự án cải tạo thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng, nâng cao hiệu quả kinh tế dây chuyền sản xuất Clinker Nhà máy xi măng Nam Sơn. Ban lãnh đạo công ty buộc phải mở rộng công tác kinh doanh sang cả hoạt động thương mại để đảm bảo hoạt động của công ty và thu nhập của người lao động.

Tuy công ty gặp khó khăn về nguồn vốn nhưng từ đó yêu cầu ban Giám đốc phải năng động, sáng tạo trong chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh và đầu tư, tìm các nguồn vốn vay và phải có những giải pháp hợp lý, kịp thời để xuất với HĐQT để tháo gỡ những khó khăn của công ty. Với năng lực, kinh nghiệm và ý chí quyết tâm cao, dưới sự chỉ đạo của HĐQT, sự ủng hộ của bộ máy điều hành, cán bộ công nhân lao động Ban Giám đốc đã năng động, sáng tạo trong công tác tổ chức chỉ đạo sản xuất kinh doanh, tìm các nguồn vốn vay và các giải pháp về vốn để phục vụ sản xuất và đầu tư. Kết quả sản xuất kinh doanh 2017 đạt được xuất sắc các mục tiêu đã đề ra từ đó khẳng định được những cố gắng nhất định của bộ máy điều hành. Sau đây là số liệu về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 của công ty:

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2017	KH- chỉ tiêu ĐHĐCĐ thường niên năm 2017	TH/KH- chỉ tiêu ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 (%)
Sản lượng Clinker	Tấn	93.027	192.000	48,45
Doanh thu (chưa thuế)	Tỷ đồng	452.111	128.570	351,5
Lợi nhuận (sau thuế)	Tỷ đồng	9.154	-32.657	
TNBQ đầu người/tháng	Triệu đồng	7.000	7.000	100

Kết quả sản xuất kinh doanh của năm 2017 thực hiện cao hơn so với kế hoạch đề ra ngoài những yếu tố đã nêu ở trên còn do :

- HĐQT và Ban Giám đốc đã mở rộng hoạt động của công ty sang lĩnh vực thương mại mua bán sản phẩm clinke và một số máy móc thiết bị khác.

- Một số các giải trình chi tiết về việc kinh doanh năm 2017 đã được công ty giải trình và gửi lên Sở giao dịch CK hà nội và đã được sở GDCK hà nội chấp thuận.

- Tuy tháng 7/2017 công ty dừng sản xuất để tập trung mọi nguồn lực cho dự án cải tạo thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng, nâng cao hiệu quả kinh tế dây chuyền sản xuất Clinker Nhà máy xi măng Nam Sơn nhưng công ty cũng đã duy trì được sản xuất kinh doanh, giữ được việc làm, tiền lương ổn định cho người lao động và dùng nguồn vốn khấu hao có được để trả gốc và lãi vay cho các tổ chức tín dụng.

2. Công tác đầu tư phát triển sản xuất.

- Đối với Nhà máy Xi măng Nam Sơn: Tháng 8/2016 Đại hội đồng cổ đông bất thường đã thông qua dự án cải tạo thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng, nâng cao hiệu quả kinh tế dây chuyền sản xuất Clinker Nhà máy xi măng Nam Sơn. Ngay sau khi đại hội đồng cổ đông thông qua dự án ban lãnh đạo công ty đã ngay lập tức triển khai thực hiện dự án cải tạo này và tháng 2/2018 dự án cải tạo đã hoàn thành vào đi vào hoạt động.

3. Các cuộc họp và quyết định của Hội đồng quản trị.

Năm 2017, Hội đồng quản trị đã tổ chức được 03 cuộc họp

Trước mỗi cuộc họp các thành viên đều được thông báo nội dung và tài liệu cuộc họp. Các cuộc họp diễn ra dân chủ, đúng theo điều lệ và luật doanh nghiệp. Sau mỗi cuộc họp Hội đồng quản trị đều ra nghị quyết.

Hội đồng quản trị đã có các quyết định: phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017, tuyển dụng và bổ nhiệm cán bộ quản lý... phù hợp với tình hình thực tế của của doanh nghiệp để điều hành doanh nghiệp thuận lợi và hiệu quả.

Ngoài các cuộc họp được triệu tập có chuẩn bị nội dung, tài liệu, để kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất, Hội đồng quản trị thường xuyên có những cuộc hội ý, những cuộc họp đột xuất để có những quyết định đúng đắn, kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế cho công ty.

4. Kết quả giám sát đối với Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

Hội đồng quản trị luôn giám sát chặt chẽ các hoạt động điều hành của Giám đốc công ty và các cán bộ quản lý khác.

Giám đốc điều hành hoạt động của công ty luôn năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong phạm vi quyền hạn được quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp và theo đúng định hướng của Hội đồng quản trị, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra. Từ đó Giám đốc điều hành đã kịp thời có những đề xuất Hội đồng quản trị các giải pháp để tháo gỡ khó khăn, tận dụng những thời cơ, điều hành công ty đạt hiệu quả cao nhất trong điều kiện hiện có của công ty. Đồng thời Giám đốc công ty cũng chỉ đạo các bộ phận xây dựng và đề xuất Hội đồng quản trị kế hoạch sản xuất kinh doanh năm kế hoạch kịp thời, khoa học.

Đối với các cán bộ quản lý khác, Hội đồng quản trị luôn giám sát chặt chẽ, theo dõi, đánh giá năng lực, trình độ, tinh thần trách nhiệm, sức khỏe, đạo đức để bổ nhiệm, miễn nhiệm, đào tạo cán bộ quản lý điều hành và chỉ đạo Giám đốc kiện toàn cơ cấu tổ chức công ty, bố trí, sắp xếp các vị trí trong bộ máy phù hợp với năng lực của cán bộ.

Cử người giám sát cũng như tham gia điều hành tại công ty liên kết sao cho có hiệu quả đảm bảo quyền lợi công ty.

5. Các công tác khác

Mặc dù tập trung vào công tác sản xuất kinh doanh và công tác đầu tư, song công ty vẫn chú trọng tới các công tác khác:

- Duy trì và phát huy phong trào thi đua lao động sản xuất và phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong toàn công ty, tạo khí thế thi đua sôi nổi trong toàn thể CBCNLD nhằm nâng cao năng suất lao động, an toàn và hiệu quả.

- Mặc dù có rất nhiều khó khăn nhưng công ty đã có những giải pháp để cố gắng tạo đủ việc làm cho số lao động hiện có với thu nhập ổn định, động viên người lao động để họ gắn bó với công ty, hăng say thi đua lao động sản xuất với năng suất, chất lượng và hiệu quả cao, chung lưng đấu cật cùng công ty vượt qua giai đoạn khó khăn hiện nay.

- Công ty tham gia và làm tốt công tác xã hội, công tác từ thiện đối với chính quyền và nhân dân địa phương trong xã, huyện Quốc oai, Chương Mỹ và các huyện lân cận nên được nhân dân, chính quyền địa phương quý mến, ủng hộ tạo điều kiện thuận lợi để công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và phát triển sản xuất kinh doanh.

- Mô hình tự quản, đề án doanh nghiệp không có tội phạm và tệ nạn xã hội, quy chế phối hợp bảo vệ an ninh trật tự và quản lý CBCNLD ở nơi cư trú được duy trì và phát huy tốt. Vì vậy chính trị, an ninh trật tự được giữ vững, tài sản công ty được bảo vệ tốt, nội bộ công ty đoàn kết tạo ra sự ổn định để phát triển.

6. Một số tồn tại cần khắc phục.

- Trong quá trình tổ chức chỉ đạo sản xuất kinh doanh có một số cán bộ công nhân viên lao động còn dao động trước những khó khăn của công ty,

044
 ỨNG
 Ồ PH
 I MÃ
 AIS
 G M

chưa tập trung vào công việc nên chưa có sự sáng tạo và hiệu quả công việc chưa cao.

- Có một số cán bộ công nhân viên chưa làm chủ được công nghệ thiết bị, chưa có sáng tạo trong quá trình sản xuất.

- Do đặc thù ngành sản xuất xi măng là ngành công nghiệp nặng, máy móc hỏng hóc nhiều cán bộ công nhân viên phải làm việc cường độ cao trong quá trình vận hành và sửa chữa nên số lượng nghỉ việc nhiều dẫn đến công ty phải thường xuyên tuyển dụng và đào tạo cũng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

14. /
TY
AN
NC
O

PHẦN THỨ II

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2018

Năm 2018 là năm công ty hoàn thành dự án cải tạo thiết bị công nghệ, tiết kiệm năng lượng nâng cao hiệu quả kinh tế, đảm bảo môi trường của nhà máy xi măng Nam Sơn. Theo định hướng phấn đấu ở mức cao của HĐQT, Ban Giám đốc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 như sau:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và các giải pháp tổ chức thực hiện.

Nhà máy Xi măng Nam Sơn tập trung sản xuất, vận hành dây chuyền thiết bị an toàn, nâng cao năng suất và ổn định chất lượng, đảm bảo phát huy hiệu quả của công trình đầu tư, phấn đấu đạt các mục tiêu chủ yếu sau:

- Sản xuất clinker	: 604.800 tấn.
- Doanh thu (trước thuế)	: 401.367 tỷ đồng
- Lợi nhuận (sau thuế)	: 14.065 tỷ đồng
- Thu nhập bình quân đầu người	: 7,3 triệu đồng/tháng

2. Kế hoạch đầu tư.

- Năm 2018 công ty tiếp tục đầu tư và hoàn thiện dự án nhà máy nhiệt điện tận dụng khí thải nhằm tiết kiệm năng lượng nâng cao hiệu quả kinh tế của nhà máy xi măng Nam Sơn.

3. Các giải pháp để triển khai thực hiện kế hoạch .

Để phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức các mục tiêu kế hoạch đã đặt ra, HĐQT, Ban Giám đốc kịp thời nắm bắt các thông tin, đưa ra các giải pháp phù hợp với từng thời điểm, từng giai đoạn, chỉ đạo tập thể CBCNLĐ công ty phấn đấu, thực hiện các giải pháp, kế hoạch đề ra. Trước mắt HĐQT, Ban Giám đốc đưa ra các giải pháp triển khai thực hiện kế hoạch như sau:

- Tập trung vào nhân tố con người. Cụ thể :

+ Có chính sách thu hút người có trình độ, kinh nghiệm và tay nghề cao.

+ Mạnh dạn đề bạt các cán bộ trẻ, khỏe, có trình độ, tinh thần trách nhiệm và nhiệt huyết với công việc. Đồng thời cũng kiên quyết miễn nhiệm, bố trí làm các công việc khác đối với những cán bộ có biểu hiện thiếu tinh thần trách nhiệm, lơ là trong công việc.

+ Tổ chức đào tạo mới, đào tạo lại, đào tạo bổ sung đối với những cán bộ, nhân viên nghiệp vụ có tinh thần trách nhiệm cao nhưng còn yếu, thiếu về trình độ chuyên môn.

+ Cần kết hợp hài hòa biện pháp giáo dục, hành chính và biện pháp kinh tế (chính sách về tiền lương, tiền thưởng) để động viên người lao động yên tâm làm việc, nâng cao tinh thần trách nhiệm, chủ động tự giác thực hiện nhiệm vụ của mình với năng suất, chất lượng và hiệu quả cao nhất.

- Công tác đầu tư:

Lập kế hoạch tiến độ đối với các nhà thầu để đảm bảo hoàn thành xong dự án nhà máy nhiệt điện tận dụng khí thải tại Nhà máy xi măng Nam Sơn trong năm 2018

- Công tác chỉ đạo sản xuất :

+ Cần phải thay đổi phong cách làm việc của một số cán bộ quản lý theo hướng phải giải quyết công việc có kế hoạch, nhanh gọn, dứt điểm và có tiến độ rõ ràng.

+ Các cán bộ quản lý cần phải sâu sát với thực tế sản xuất, nắm bắt các thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời đồng thời tìm hiểu những yếu tố, nguyên nhân tạo nên những thành tích cũng như những tồn tại, khuyết điểm trong quá trình sản xuất. Từ đó có các biện pháp khuyến khích, động viên hoặc chấn chỉnh kịp thời đảm bảo cho sản xuất phát triển với hiệu quả kinh tế cao nhất.

+ Cán bộ quản lý sản xuất cần xây dựng những kế hoạch công việc, sản lượng để chủ động toàn bộ quá trình sản xuất của bộ phận mình nhằm phát huy cao độ công suất của máy móc thiết bị.

- Công tác khoa học kỹ thuật:

+ Cần phải cập nhật những kiến thức khoa học kỹ thuật mới, học hỏi các kinh nghiệm của các nhà máy có bề dày kinh nghiệm đồng thời phát huy các phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

+ Thường xuyên tổ chức các lớp học, các cuộc họp rút kinh nghiệm, các cuộc hội thảo xung quanh chủ đề quy trình kỹ thuật và kinh nghiệm vận hành dây chuyền sản xuất nhằm nâng cao công suất máy móc thiết bị và chất lượng sản phẩm, phát huy tối đa công suất của dây chuyền.

- Công tác kinh doanh : Do trên thị trường đã có những thay đổi trong phương thức mua bán, giá cả tăng, nguồn vốn khó khăn nên trong kinh doanh cần có những thay đổi cho phù hợp với thị trường hiện tại.

+ Tìm hiểu và nắm bắt rõ đối thủ cạnh tranh, nghiên cứu các chính sách bán hàng của các đối thủ để đề ra các chính sách bán hàng cho phù hợp.

+ Công tác tiêu thụ phải thực sự năng động, uyển chuyển trong cơ chế bán hàng.

+ Công tác cung ứng vật tư cần phải năng động, phải có giải pháp, kế hoạch để mua được nguồn nguyên liệu ổn định, phải dự báo tương lai của thị trường và có nhiều đối tác cung ứng để có nhiều nguồn hàng có chất lượng và giá cả hợp lý, quản lý sử dụng vật tư một cách có hiệu quả.

- Công tác tài chính kế toán cần phải năng động trong quá trình tìm nguồn vốn và sử dụng vốn một cách có hiệu quả phục vụ cho công tác sản xuất kinh doanh. Phân tích đánh giá các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả sản xuất kinh doanh nhanh nhạy, chính xác giúp ban lãnh đạo công ty có các quyết định đúng đắn, kịp thời trong quá trình tổ chức chỉ đạo sản xuất kinh doanh.

- Công tác khác : Cần làm tốt công tác xã hội, từ thiện để tạo nên mối đoàn kết gắn bó đối với cơ quan, nhân dân địa phương và xã hội. Đồng thời xây dựng đời sống văn hóa doanh nghiệp tốt, nâng cao tinh thần đoàn kết nội bộ đảm bảo sự phát triển ổn định của doanh nghiệp.

Kính thưa đại hội!

Năm 2017 còn có nhiều khó khăn, thách thức song tôi tin tưởng rằng với những thế mạnh của một doanh nghiệp với bề dày truyền thống anh hùng, với thương hiệu uy tín trên thị trường, với đội ngũ lãnh đạo, cán bộ công nhân lao động trẻ, khỏe, đoàn kết, sáng tạo, có trình độ, kinh nghiệm làm việc với tinh thần trách nhiệm cao cùng với sự ủng hộ, cổ vũ của các cổ đông chắc chắn Công ty sẽ hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, quyết tâm xây dựng Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn ngày càng phát triển.

Xin kính chúc các đại biểu mạnh khỏe, hạnh phúc, kinh doanh thành đạt. Chúc đại hội thành công tốt đẹp.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 




CHỦ TỊCH HĐQT
NGUYỄN SỸ TIỆP



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÀI SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sài Sơn ngày 12 tháng 04 năm 2018

BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2018

Kính thưa đại hội!

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm Soát được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn và luật doanh nghiệp. Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018.

I- HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát Công ty thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho các cổ đông để kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

Kiểm tra, giám sát hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc về tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên đề ra.

Xem xét tính hợp lý các văn bản quản lý nội bộ do Công ty ban hành.

Kiểm tra việc thực hiện các văn bản, quy định của Nhà nước, Nghị quyết của HĐQT Công ty ban hành.

Thẩm định báo cáo tài chính và tình hình thực hiện kế hoạch SXKD từng quý.

Theo dõi, giám sát việc ký kết, thực hiện và hiệu quả các hợp đồng kinh tế do Công ty thực hiện.

Tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty năm 2017. Xem xét báo cáo kiểm toán đã được Công ty kiểm toán độc lập phát hành.

Giám sát trình tự, các thủ tục tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

II- KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY.

1- Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017.

Trong năm 2017 nhiệm vụ đặt ra cho Công ty hết sức nặng nề đó là thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh theo nghị quyết ĐHĐCĐ đồng thời phấn đấu hoàn thành dự án. Để phấn đấu hoàn thành xuất sắc kế hoạch, Công ty đã có nhiều cố gắng khắc phục mọi khó khăn như; phải chịu sự cạnh tranh khốc

liệt của thị trường tiêu thụ xi măng trong khu vực với sự ra đời của nhiều sản phẩm xi măng trong khu vực trong khi nguồn lực hiện có của công ty còn hạn chế. Trước những khó khăn đó, dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Lãnh đạo công ty đã đề ra được những giải pháp phù hợp, chỉ đạo tốt công tác sản xuất kinh doanh.

Về cơ bản Ban kiểm soát nhất trí với các nội dung báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2017 của HĐQT, Giám đốc công ty với các chỉ tiêu chính như:

- | | | |
|-------------------------|---|-----------------------------|
| - Sản xuất Clinker | : | 93.027 tấn đạt 48,4% KH |
| - Doanh thu (chưa thuế) | : | 451.111 tỷ đồng đạt 350% KH |
| - Thu nhập bình quân | : | 7 triệu đồng/người/tháng |
| - Lợi nhuận sau thuế | : | 9,154 tỷ đồng |

2- Công tác đầu tư:

Trong năm 2017 ban lãnh đạo công ty đã rất cố gắng hoàn thành tốt công tác đầu tư, dự án cải tạo thiết bị công nghệ tiết kiệm năng lượng Nhà máy xi măng Nam sơn được đưa vào hoạt động trong tháng 2/2018.

Báo cáo tài chính năm 2017

Năm 2017 Công ty đã thực hiện đầy đủ các biểu mẫu báo cáo, chế độ báo cáo theo quy định, thực hiện tốt chế độ chính sách về tài chính do Nhà nước ban hành, cập nhật đầu đủ theo chuẩn mực kết toán quy định.

Mẫu biểu trong báo cáo được cập nhật trình bày rõ ràng trung thực dễ hiểu.

Chúng tôi sổ sách cập nhật, sắp xếp gọn gàng có hệ thống, đáp ứng cho yêu cầu kiểm tra, kiểm soát.

Số liệu trong báo cáo rõ ràng, chính xác phản ánh trung thực khách quan đúng với thực tế của Công ty.

Ban kiểm soát đã kiểm tra và nhất trí với số liệu do Giám đốc Công ty và Phòng kế toán đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2016 đã được cơ quan kiểm toán kiểm tra xác nhận.

III- KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI CÁC THÀNH VIÊN HĐQT, GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ

Qua công tác kiểm tra, giám sát, Ban kiểm soát thấy hoạt động quản lý điều hành công ty của HĐQT, Giám đốc và bộ máy quản lý điều hành Công ty trong năm đã tuân thủ điều lệ, nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết quyết định, của HĐQT. Công tác quản lý điều hành của lãnh đạo Công ty có sự năng động và thận trọng cần thiết nhằm đưa công ty phát triển nhanh, mạnh và vững chắc. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT Công ty đã tuân thủ các quy định của Điều lệ và đã được Giám đốc Công ty triển khai thực hiện theo đúng yêu cầu.



Căn cứ báo cáo tổng kết, tình hình thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT công ty năm 2017 cơ bản các Nghị quyết, quyết định đã được thực hiện tốt và hoàn thành tiến độ.

IV- ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT, GIÁM ĐỐC CÔNG TY.

Ban kiểm soát đã có sự phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Giám đốc công ty trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp trong hoạt động kiểm tra, giám sát và kiểm soát nội bộ, phối hợp xem xét và xây dựng các quy chế quản lý nội bộ. HĐQT và Giám đốc công ty đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, tham gia các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban của Công ty và các cuộc họp khác, cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty. Ban kiểm soát đã phối hợp, và nắm bắt tốt các ý kiến đóng góp cũng như chỉ đạo của HĐQT, Giám đốc công ty trong việc kiểm tra, kiểm soát năm 2016. Ban kiểm soát đã xem xét kết quả kiểm soát nội bộ, báo cáo kiểm toán và các ý kiến phản hồi. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát đã được tham khảo ý kiến HĐQT trước khi trình ĐHCĐ.

V- PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2018

Năm 2018 là một năm đầy thách thức đối với ban lãnh đạo công ty trong công tác tiêu thụ sản phẩm khi Nhà máy xi măng Nam Sơn đi vào hoạt động. Ban kiểm soát sẽ tiếp tục giám sát chặt chẽ hơn nữa tình hình hoạt động tài chính của công ty.

VI- KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Năm 2017, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã phấn đấu vượt qua khó khăn trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều biến động, để thực hiện các chỉ tiêu kinh tế được ghi trong Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tạo tiền đề phát triển. Trong quá trình kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty, Ban kiểm soát chưa phát hiện được sai sót nào của HĐQT và Ban Giám đốc làm phương hại đến quyền lợi của Công ty.

Tiếp tục nghiên cứu cải tiến các biện pháp quản lý để kiểm soát chất lượng sản phẩm, thường xuyên rà soát định mức vật tư, tổ chức đào tạo và rút kinh nghiệm để nâng cao năng suất thiết bị.

Tiếp tục nâng cao công tác bán hàng: Quảng bá thương hiệu, giới thiệu sản phẩm, xây dựng chính sách bán hàng phù hợp và nhất quán, xác định giá bán linh hoạt theo sự biến động giá nguyên vật liệu để đảm bảo mức lợi nhuận hợp lý cho Công ty, tăng cường tìm kiếm mở rộng thị trường tiêu thụ.



Tiếp tục sửa đổi quy chế phân phối tiền lương để tương xứng với sức lao động của từng vị trí công việc, có chính sách trả lương cao đối với cán bộ quản lý, kỹ sư có chuyên môn giỏi, công nhân có tay nghề cao.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2016 và một số đề nghị với HĐQT – Ban Giám đốc công ty, Ban kiểm soát đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Xin kính chúc các quý vị đại biểu mạnh khỏe, hạnh phúc.

Chúc đại hội thành công tốt đẹp!

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Ngọc Na



CÔNG TY CỔ PHẦN CỔ PHẦN XI
MĂNG SÀI SƠN

-----***-----

Số: 06/2018/TTTr/XMSS-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----*****-----

Hà nội, ngày 12 tháng 04 năm 2018

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(Thông qua dự án nhà máy điện tận dụng nhiệt khí thải)

Thưa các Quý cổ đông !

- Căn cứ luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 16/11/2014
- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Cổ phần xi măng Sài sơn.
- Căn cứ đề nghị của Giám đốc công ty
- Căn cứ vào tình hình thực tế SXKD của Công ty.
- Căn cứ vào báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án nhà máy điện tận dụng nhiệt khí thải do Viện năng lượng lập tháng 12/2017.

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội biểu quyết thông qua những nội dung sau:

1. Thông qua dự án nhà máy điện tận dụng nhiệt khí thải theo các nội dung đã trình bày trong quyển dự án do viện năng lượng lập và được ban điều hành công ty phê duyệt.

Kính đề nghị Quý cổ đông xem xét và biểu quyết.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi gửi:

- ĐHĐCĐ
- Lưu văn phòng
- Hồ sơ ĐHĐCĐTN2018



T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Nguyễn Sỹ Tiếp

BÁO CÁO TÓM TẮT ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÀ MÁY ĐIỆN TẬN DỤNG NHIỆT KHÍ THẢI – 5MW

(kèm theo tờ trình số 06/2018/TTr/XMSS-HĐQT ngày 12 tháng 4 năm 2018)

PHẦN 1: TỔNG QUAN CỦA DỰ ÁN

1. Giới thiệu chung

Trong bước phát triển mới, công ty cổ phần xi măng Sài Sơn dự kiến đầu tư hệ thống thiết bị tận dụng nhiệt khí thải để phát điện. Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thiết bị tận dụng nhiệt khí thải từ dây chuyền xi măng để phát điện tại nhà máy xi măng của Công ty cổ phần xi măng Sài Sơn là thực sự cần thiết và phù hợp dựa trên các cơ sở sau:

- Phù hợp với quan điểm phát triển công nghiệp xi măng về công nghệ đã đề ra trong Quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng đến năm 2030. Trong đó nêu rõ:

Các dự án xi măng đầu tư mới có công suất lò nung từ 2.500 tấn clinker/ngày trở lên, phải đầu tư ngay hệ thống thiết bị tận dụng nhiệt khí thải để phát điện, trừ các dây chuyền sản xuất xi măng sử dụng chất thải công nghiệp và rác thải làm nhiên liệu; đối với các nhà máy xi măng đang hoạt động, các dự án xi măng đang triển khai đầu tư nhưng đã ký hợp đồng cung cấp thiết bị trước ngày Quyết định này có hiệu lực phải hoàn thành đầu tư hạng mục này trước năm 2015.

Đối với các nhà máy xi măng có công suất dưới 2.500 tấn clinker/ngày, khuyến khích nghiên cứu đầu tư hệ thống thiết bị tận dụng nhiệt khí thải để phát điện.

Khuyến khích đầu tư công nghệ sản xuất xi măng gắn với việc xử lý và sử dụng chất thải công nghiệp và rác thải (kể cả rác thải y tế) làm nhiên liệu để tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, tính chủ động trong cung cấp điện tại chỗ cho nhà máy xi măng.

- Tận dụng mặt bằng sạch, sẵn có của nhà máy xi măng Nam Sơn, không phải đền bù, giải phóng mặt bằng.

- Tận dụng các cơ sở hạ tầng sẵn có của nhà máy về cung cấp và vận chuyển nhiên liệu (than, dầu, đá vôi, nước ngọt), hệ thống kho bãi, nhân lực, v.v.

- Giảm gánh nặng đầu tư, truyền tải và cung cấp điện cho ngành điện.

2. Các cơ sở hình thành Dự án

2.1 Cơ sở hình thành Dự án

- Phù hợp với Quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và định hướng đến năm 2030.

- Phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 – 2020, có xét đến năm 2030.

- Tận dụng tối đa các điều kiện thuận lợi của khu vực địa điểm dự án: Mặt bằng đủ cho bố trí các hạng mục của một nhà máy công suất 5 MW; Cung cấp nước thuận tiện; Đặc điểm khí tượng tại khu vực nhà máy tương đối ôn hòa và thuận lợi, không yêu cầu thiết kế đặc biệt và tốn kém cho các hạng mục và thiết bị trong nhà máy. Điều kiện địa chất công trình tương đối thuận lợi; Cơ sở hạ tầng về giao thông đường bộ, cung cấp điện, thông tin

liên lạc,... tại khu vực nhà máy tương đối thuận lợi, cả trong quá trình xây dựng và vận hành nhà máy.

2.2 Thông tin chính Dự án

1. Tên Dự án: Nhà máy điện tận dụng nhiệt khí thải.
2. Chủ đầu tư: Công ty cổ phần xi măng Sài Sơn.
3. Hình thức đầu tư: Nhà máy điện độc lập/hình thức đầu tư BOO.
4. Phạm vi đầu tư: Lò hơi SP và AQC tận dụng nhiệt khí thải dây chuyền xi măng công suất khoảng 5MW.
Tuabin máy phát công suất 5MW và thiết bị phụ trợ.
5. Địa điểm Dự án: Nằm trong nhà máy xi măng Nam Sơn, Thôn Nam Sơn, xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ, Thành Phố Hà Nội.
6. Diện tích chiếm đất: 16 ha, nằm hoàn toàn trong nhà máy XM Nam Sơn.
7. Quy mô công suất: 5MW (thô).
8. Chế độ vận hành: 7200 giờ/năm.
9. Điện năng sản xuất: 36.000.000 kWh/năm.
10. Tỷ lệ điện tự dùng: 8 %.
11. Điện năng cấp cho nhà máy xi măng: 33.120.000 kWh/năm.
12. Công nghệ áp dụng:
 - Lò hơi tận dụng nhiệt khí thải SP và AQC công suất 5 MW.
 - 1 tuabin + 1 máy phát: công suất 5MW.
 - Làm mát bằng tháp.
 - Cấp điện cho nhà máy xi măng.
14. Cung cấp nước ngọt: - Từ nguồn nước mặt hiện có của nhà máy xi măng.
15. Bảo vệ môi trường:
 - (i) Xử lý nước thải: Đáp ứng các quy chuẩn liên quan.
 - (ii) Các vấn đề khác: Đáp ứng các quy chuẩn liên quan.
16. Ngày vận hành thương mại (COD): Tháng 12/2018.
17. Đời sống kinh tế Dự án: 30 năm.
18. Tổng mức đầu tư: Khoảng 12.5 USD (đã bao gồm VAT).

PHẦN 2: SỰ CẦN THIẾT CỦA DỰ ÁN

1. Sự cần thiết và vai trò của Nhà máy điện

1.1 Cơ sở pháp lý của Dự án

- Căn cứ chủ trương đầu tư dự án cải tạo công nghệ thiết bị tiết kiệm năng lượng và nâng công suất nhà máy xi măng từ 1.000 tấn clinker/ngày lên từ 1.800 tấn clinker/ngày.
- Các ưu đãi của chính phủ đối với các dự án tận dụng nhiệt khí thải.
- Quy hoạch phát triển điện lực và nhu cầu của Nhà máy xi măng, khả năng nguồn cấp điện.

1.1.1 Sự cần thiết đầu tư

Hiện tại, trạm trung gian 35/6kV Nhà máy xi măng Nam Sơn với công suất của trạm 14.000kVA được cấp điện từ lộ 372 trạm 110kV Xuân Mai (E10.9). Lộ 372E10.9 có tiết diện trục chính là AC150, $P_{max} = 14\text{MW}$, có cấp chờ với các lộ 373E10.9 Xuân Mai, lộ 371E10.9 Xuân Mai và lộ 379E1.4 Ba La.

Trạm biến áp 22/0,4kV-400kVA XM Nam Sơn được cấp từ lộ 474 trạm biến áp 110kV Xuân Mai. Lộ 474E10.9 có tiết diện trục chính AC95, công suất $P_{max} = 7,5\text{MW}$, lộ này liên lạc với lộ 475E10.9; trong giai đoạn 2021-2025 khi trạm 110kV Miếu Môn đi vào vận hành sẽ cải tạo đường dây này từ mạch đơn thành mạch kép để khép vòng lưới điện 22kV các lộ 471, 473 trạm 110kV Miếu Môn.

Sau khi nâng cấp lên 1.800 tấn clinker/ngày, dự kiến nhu cầu công suất điện khoảng 20.000kW.

Việc thực hiện đầu tư Nhà máy điện tận dụng nhiệt khí thải công suất 5MW là cần thiết với các lý do sau:

- Phù hợp với chủ trương của Chính phủ.
- Đáp ứng được một phần lớn công suất điện của nhà máy.
- Tăng hiệu quả đầu tư nhà máy xi măng, giảm giá thành sản phẩm.
- Đáp ứng được mục tiêu sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng, bảo vệ môi trường.
- Đáp ứng nhu cầu công suất tại chỗ, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện cho nhà máy xi măng, giảm tổn thất truyền tải, giảm gánh nặng đầu tư cho ngành điện.
- Góp phần thu hút đầu tư, phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm cho người lao động.

2. Vai trò và chế độ vận hành của Nhà máy điện

Trong giai đoạn thi công, chạy thử, khởi động nhà máy, nguồn điện dự kiến sử dụng nguồn điện từ trạm biến áp công suất 14.000kVA hiện có.

Khi nhà máy đi vào vận hành, với công suất phát khoảng 5MW sẽ cấp điện một phần cho các phụ tải của Công ty Cổ phần xi măng Sài Sơn (nhu cầu công suất 20MW), phần công suất còn thiếu sẽ được nhận từ lưới qua máy biến áp 20.000kVA.

Thời gian vận hành: nhà máy điện sẽ vận hành theo chế độ vận hành của nhà máy xi măng, tương ứng là 7.200 giờ/năm.

PHẦN 3: LỰA CHỌN CÔNG NGHỆ CHO NHÀ MÁY

0004
CÔNG
CỐ
XI M
SÀI
NG M

1. Tổng quan

Nhà máy điện tận dụng nhiệt khí thải nhà máy xi măng Nam Sơn dự kiến được thiết kế với công suất 5MW được cấp từ tận dụng nhiệt dư. Tổ máy có công suất 5 MW, cấu hình của nhà máy gồm 01 lò tận dụng nhiệt (SP) + 01 lò hơi tận dụng nhiệt (AQC) + 01 tuabin máy phát cùng các hệ thống, và thiết bị phụ trợ cần thiết.

Các thiết bị chủ yếu của nhà máy và triết lý thiết phải được dựa trên các nguyên tắc cơ bản sau:

-Việc thiết kế nhà máy cần đảm bảo độ an toàn, tin cậy, hiệu quả kinh tế cao, dễ dàng vận hành và bảo dưỡng. Công nghệ hiện đại là một trong những tiêu chí quan trọng để lựa chọn thiết bị cho nhà máy.

-Các thiết bị phải được thiết kế và sản xuất theo các tiêu chuẩn quốc tế đã được công nhận và phải phù hợp với các điều kiện khí hậu và môi trường của Việt Nam.

-Công nghệ tiên bộ và hiện đại phải đáp ứng được các mục tiêu về kinh tế, kỹ thuật và giảm thiểu tác động xấu tới môi trường.

-Dây chuyền công nghệ phải linh hoạt và phù hợp với hệ thống điện cấp cho nhà máy xi măng.

2. Lựa chọn công nghệ lò hơi và cấu hình tổ máy

2.1 Quan điểm lựa chọn công nghệ và kỹ thuật phát điện nhiệt khí thải

Từ các phân tích, lựa chọn phương án ở trên và sau khi xem xét tổng hợp nhiều yếu tố liên quan như dây chuyền công nghệ, bố trí mặt bằng, đấu nối điện, nước,... của 01 dây chuyền sản xuất clinker hiện có có thể xây dựng được một trạm phát điện sử dụng nhiệt thừa tại nhà máy măng Nam Sơn với tổng công suất lắp đặt khoảng 5MW.

Nhiệt sử dụng cho phát điện là nhiệt thừa được lấy tại các điểm trao đổi nhiệt và công đoạn làm nguội clinker.

Căn cứ vào hiện trạng hoạt động của nhà máy xi măng Nam Sơn, dự tính thời gian vận hành của các tổ máy phát điện tận dụng nhiệt thải là 300 ngày/năm (tương đương với 7200 giờ/năm).

Công nghệ và kỹ thuật cho hệ thống phát điện tận dụng nhiệt thừa như nêu trên được lựa chọn theo các quan điểm chính sau:

-Việc thu hồi nhiệt của khí thải cho sản xuất điện không được làm ảnh hưởng đến quá trình vận hành bình thường của các dây chuyền sản xuất clinker hiện hữu của nhà máy xi măng;

- Tận dụng ở mức tối đa cho phép lượng nhiệt thừa của khí thải cho phát điện.

2.2 Xuất xứ về thiết bị công nghệ

Với yêu cầu sự hoạt động của trạm phát điện không ảnh hưởng tới sự sản xuất bình thường của dây chuyền xi măng và trạm phát điện hoạt động đồng bộ ổn định với công suất điện phát ra cao nhất, thời gian bảo dưỡng và sửa chữa ít và hợp lý, việc lựa chọn nguồn cung ứng và xuất xứ thiết bị rất quan trọng.

Ở đây kiến nghị Chủ đầu tư phương án xuất xứ thiết bị như sau:

Các thiết bị cơ công nghệ chính có yêu cầu kỹ thuật phức tạp, áp lực cao, làm việc trong điều kiện khắc nghiệt như lò hơi, hệ thống van, tuabin, máy phát và một số thiết bị điện tự động hóa quan trọng như hệ điều khiển DCS, các tủ điều khiển có sử dụng rơ le vi xử lý,

44
G T
PH
M
SC
17

thiết bị đo lường hiện trường, máy cắt trung áp có xuất xứ từ các nước phát triển; các thiết bị cơ và điện có yêu cầu kỹ thuật thấp hơn, trong nước đã có hoặc đã chế tạo được, sẽ được cung cấp từ trong nước.

3. Tiến độ xây dựng: Tiến độ thi công chính của dự án 12 tháng kể từ ngày khởi công.

PHẦN 4: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

1. Cơ sở lập Tổng mức đầu tư

Dự án Nhà máy điện tận dụng nhiệt khí thải 5MW được tính toán trên các cơ sở sau:

- Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2013 của Chính Phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

- Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 6/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

- Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/2/2017 của Bộ Xây dựng về Công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp;

- Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định;

2. Tổng hợp tổng mức đầu tư

TT	Hạng mục	Giá trị sau thuế	
		VND	Quy đổi ra USD
1	2	3	4
I	Chi phí xây dựng	42.533.741.250	1.869.615
II	Chi phí thiết bị	187.148.461.500	8.226.306
III	Chi phí quản lý dự án	4.315.925.007	189.711
IV	Chi phí tư vấn	3.755.304.015	165.068
V	Chi phí khác	34.877.064.334	1.533.058
5.1	<i>Chi phí khác</i>	<i>3.755.304.015</i>	<i>165.068</i>
5.2	<i>Lãi trong thời gian xây dựng</i>	<i>28.824.938.291</i>	<i>1.267.030</i>
5.3	<i>Vốn lưu động ban đầu</i>	<i>2.296.822.028</i>	<i>100.959</i>

444
Y
N
IG
N
1.9

VI	Chi phí dự phòng	11.020.519.597	484.418
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	283.651.015.703	12.468.177
	<i>Suất đầu tư (USD/kW đặt)</i>		<i>2.493,64</i>

3. Phân tích tài chính

Theo các điều kiện và giả thiết cơ sở nêu trên, kết quả tính toán tài chính được tổng hợp như sau:

Bảng 10.4: Kết quả phân tích tài chính dự án

Các chỉ tiêu tài chính đạt được	Giá trị
Hệ số chiết khấu tài chính (i_k) (%)	9,38%
FIRR (%)	14,34%
NPV (tr.USD)	3,14
B/C	1,36
Thời gian hoàn vốn (năm)	13,00
Giá thành SX điện (USCent/kWh)	5,96
Giá bán điện trung bình (USCent/kWh)	7,00

PHẦN 5: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

5.1 Kết luận

➤ Báo cáo Nghiên cứu khả thi nhà máy điện tận dụng nhiệt khí thải dựa trên các văn bản pháp lý sau:

1. Quyết định số 1488/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 29/08/2011 về phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và định hướng đến năm 2030.
2. Quyết định số 1208/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 21/07/2011 về phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến năm 2030.
3. Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản liên quan khác của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng công trình.
4. Quyết định số 30/2006/QĐ-BCN ngày 31/08/2006 của Bộ Công nghiệp về quản lý đầu tư xây dựng các dự án điện độc lập.
5. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Công ty cổ phần xi măng Sài Sơn ngày 03 tháng 01 năm 2007 của UBND Tỉnh Hà Tây nay là Thành Phố Hà Nội.
6. Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 310/GP- UBND ngày 30 tháng 12 năm 20015 của UBND Thành Phố Hà Nội.
7. Quyết định số 118/QĐ-CTHĐQT ngày 31 tháng 08 năm 2016 về việc “ Phê duyệt dự án cải tạo thiết bị công nghệ, tiết kiệm năng lượng nâng cao hiệu quả kinh tế nhà máy xi măng Nam Sơn thuộc Công ty cổ phần xi măng Sài Sơn”
8. Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 312/GP –UBND ngày 30 tháng 12 năm 2015
9. Giấy phép khai thác đá vôi số 1604/GP-BTNMT ngày 12 tháng 08 năm 2008 của Cục địa chất và khoáng sản Việt Nam.
10. Hợp đồng tư vấn lập Dự án đầu tư nhà máy điện tận dụng nhiệt khí thải giữa Công ty cổ phần xi măng Sài Sơn và Viện Năng lượng.

➤ **Sự cần thiết và Mục tiêu đầu tư Dự án**

- a. Dự án sẽ là nguồn cung cấp điện cho nhà máy xi măng Nam Sơn ;
- b. Đầu tư Dự án phù hợp với chiến lược phát triển của ngành xi măng và ngành điện;
- c. Góp phần giảm bớt gánh nặng về thu xếp nguồn tài chính cho đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện từ các nguồn lực của EVN;
- d. Tận dụng tối đa các điều kiện thuận lợi, sẵn có của khu vực địa điểm dự án;
- e. Nhà đầu tư Dự án - Công ty cổ phần xi măng Sài Sơn - có đủ năng lực thực hiện Dự án nhà máy điện theo hình thức BOO.

5.2 Kiến nghị

Như trình bày trong toàn bộ nội dung của Báo cáo, việc đầu tư xây dựng Dự án nhà máy điện có công suất đặt 5MW tận dụng nhiệt khí thải từ nhà máy xi măng Nam Sơn là khả thi theo cả các khía cạnh kinh tế và kỹ thuật.

Kính đề nghị các cổ đông xem xét cho ý kiến để dự án đầu tư được đúng tiến độ đảm bảo về chất lượng, kỹ thuật mang lại hiệu quả cao về kinh tế cho công ty.

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(Thông qua nội dung bổ sung thêm mặt hàng kinh doanh)

Thưa các Quý cổ đông !

- Căn cứ luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 16/11/2014
- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Cổ phần xi măng Sài sơn.
- Căn cứ đề nghị của Giám đốc công ty
- Căn cứ vào tình hình thực tế SXKD của Công ty.

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội biểu quyết thông qua những nội dung sau:

1. Thông qua việc bổ sung các lĩnh vực kinh doanh: buôn bán thương mại nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất xi măng, máy móc thiết bị công nghiệp và buôn bán thương mại các mặt hàng khác mà pháp luật cho phép.

Kính đề nghị Quý cổ đông xem xét và biểu quyết.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi gửi:

- ĐHĐCĐ
- Lưu văn phòng
- Hồ sơ ĐHĐCĐ TN2018



T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH *[Signature]*

Nguyễn Sỹ Tiệp